

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HẢI CHÂU  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - P phải**

Bản án số: **05** /2020/KDTM-ST

Ngày 29,30/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp  
đồng môi giới đất nền*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phái tòa:* Ông **Đặng N Kinh Luân**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **H Minh Trinh**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản Phái tòa:* Bà **Trần Thị Linh P** và bà **Nguyễn P T** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H Châu tham gia Phái tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLST - KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng liên doanh liên kết*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần B** - Trụ sở: Lô A7-21, 22 Khu Đ thị S, thị xã Đ, tỉnh Q – V phải giao dịch: Số 42 đường N.D, quận H, thành phố Đ.

1.1 Người đại diện theo phải luật : Ông **Lê V K** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B; có mặt.

1.2 Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Lê Kim K** – S năm 1980 – Chức vụ: Giám đốc Tài chính và Phải áp chế (V bản ủy quyền số 12/UQ-BĐA ngày 08/12/2018); có mặt.

- Ông **Diệp Bảo L** - S năm 1982 - Địa chỉ: Tổ 30 phải rường Thạc Gián, quận K, thành phố Đ (Giấy ủy quyền số 59/UQ-BĐA ngày 10/9/2019); có mặt.

- Ông **Trịnh Việt H** – S năm 1982 - Địa chỉ: Tổ 3, phải rường T, quận T, thành phố Đ. (Giấy ủy quyền số 58/UQ-BĐA ngày 10/9/2019); có mặt.

- Ông **Nguyễn Công M**, S năm 1988. Địa chỉ: Số 87 đường T.L, quận H, thành phố Đ. (Giấy ủy quyền số 57/UQ-BĐA ngày 10/9/2019); có mặt.

2. *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Đầu tư N** - Địa chỉ: 29 đường X, phải rường H, quận H, thành phố Đ.

2.1 Người đại diện theo pháp luật : Ông **Trương V H** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư N; vắng mặt

2.2 Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị H** – S năm 1993 - Địa chỉ: K356/49 H, quận H, thành phố Đ. (Giấy ủy quyền số 07/2019/HNN ngày 01/4/2019) và ông **Bùi N X** – S năm 1973. Địa chỉ : tổ 23, phường T, quận H, thành phố Đ (Giấy ủy quyền số 04/2020/HNN ngày 20/5/2020); có mặt.

Địa chỉ liên hệ : Số 29 đường X, phường H, quận H, thành phố Đ.

2.3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **D Thành T** và luật sư **Nguyễn Anh Đ** - Công ty Luật TNHH Bizlawyer & Partners, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H - Địa chỉ: Phường 505A, tầng 5 – NH 6 tầng, tòa NH F, số 105 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H; Luật sư T vắng mặt, Luật sư Đ có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Trần Thị Thu N**, S năm 1963. Địa chỉ: Tổ 06, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Q

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị N**, S năm 1968. Địa chỉ: tổ 6, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Q.

3.2. Bà **Nguyễn Thị T**, S năm 1967. Địa chỉ: Số 85 đường V, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang S**, S năm: 1972. Địa chỉ : 41 Đ, quận L, thành phố Đ.

3.3. Bà **Võ Thị M**, S năm 1967. Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

3.4. Ông **Nguyễn X H**, S năm 1977. Địa chỉ: Xóm P, xã K, huyện Y, tỉnh N.

3.5. Bà **Đặng Thị T**, S năm 1962. Địa chỉ: Số 14 đường H, quận S, thành phố Đ.

3.6. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, S năm 1962. Địa chỉ: 131/7/9B đường L, thành phố Đ.

3.7. Bà **Huỳnh Thị L**, S năm 1960. Địa chỉ: Phường 1111, tầng 11, DDN2, Tòa NH CT3, Khu Đ thị mới V, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ.

3.8. Ông **Nguyễn Đăng T**, S năm 1982. Địa chỉ: Tầng 17 Căn C1 H CT4 V, phường L, quận H, thành phố Đ

3.9. Bà **Lê Thị Thanh Đ**, S 1979. Địa chỉ: xã H, huyện T, Thành phố H

3.10. Bà **Nguyễn Thanh H**, S năm 1989. Địa chỉ: Số NH 3, ngõ 40, đường N, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm: 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ.

3.11. Bà **Nguyễn Thị H T**, S năm 1973 . Địa chỉ: Số 06 đường B, quận T, thành phố Đ.

3.12. Ông **Nguyễn Duy Đ**, S năm 1980. Địa chỉ: Số 29 đường Q, phường H, quận C, thành phố Đ.

3.13. Bà **Hồ Thị T**, S năm 1945. Địa chỉ: 106/6 Đ. T. H, quận T, thành phố Đ. Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị T: Bà **Trần Thị H**, S năm 1993. Địa chỉ: 99 đường Nguyễn Hữu T, quận H, thành phố Đ

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị T: Luật sư **Lê Cao**  
- Công ty Luật TNHH MTV FDEV thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ.

3.14. Ông **Ngô Đình Q**, S năm 1978. Địa chỉ: Tổ 2, huyện M, thành phố H.

3.15. Bà **Dũ Thị Minh H**, S năm 1972. Địa chỉ: Khối phố N Tam, phường Điện An, thị xã Đ, tỉnh Q.

3.16. Bà **Trần Kim T**, S năm 1984. Địa chỉ: K215/48 đường H Huy Tập, thành phố Đ (Tầng 9, số 02 Quang Trung, quận H, thành phố Đ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh N T S** năm: 1983. Địa chỉ: K215/48 đường H Huy Tập, thành phố Đ.

3.17. Bà **Đào Thu P**, S năm 1973. Địa chỉ: xã A, huyện T, tỉnh B.

3.18. Bà **Lê N A**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 29 đường N, quận H, thành phố Đ.

3.19. Ông **Nguyễn V C**, S năm. 1981. Địa chỉ: A5/36/101 Ấp 1, xã V, huyện B, thành phố H.

3.20. Ông **Nguyễn Hữu N**, S năm 1967. Địa chỉ: Số 29 đường B , quận C, thành phố Đ.

3. 21. Bà **Nguyễn Thị H**, S năm 1980. Địa chỉ: Phường 3B16, chung cư B, quận S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn X A**, S năm 1975. Địa chỉ : phường H, quận L, thành phố Đ

3.22. Bà **Đặng Hồ Hiền T**, S năm 1988. Địa chỉ: 814/33 đường T, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đinh T**, S năm 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ.

3.23. Bà **Phạm H C**, S năm 1981. Địa chỉ: Số 259 đường , quận T, thành phố H.

3.24. Ông **Nguyễn Hữu Đ**, S năm 1981. Địa chỉ: Thôn 2, X, huyện T, thành phố H

3.25. Ông **Hồ V D**, S năm 1956 - Địa chỉ: 31/2A đường P, phường 11, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm N P**, S năm: 1974. Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q

3.26. Ông **Hồ H N**, S năm 1985. Địa chỉ: 31/2A đường P, phường 11, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm N P**, S năm: 1974. Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

3.27. Ông **Nguyễn Quang L**, S năm 1960. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

3.28. Bà **Đào Thu P**, S năm 1985. Địa chỉ: Số 18 Ngõ 78, K, quận Đ, thành phố H.

3.29. Ông **Lê V L**, S năm 1955. Địa chỉ: 40/2 đường N, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị L**, S năm: 1956. Địa chỉ Địa chỉ: 40/2 đường N, thành phố Đ.

3.30. Bà **Nguyễn Thị H**, S năm 1930. Địa chỉ: Tổ 8 Phường V, tỉnh B.

3.31. Bà **Nguyễn Thị T**, S năm 1979. Địa chỉ: 09 đường N, quận T, thành phố Đ.

3.32. Ông **Trần N V**, S năm 1967. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh T.

3.33. Ông **Đoàn V H**, S năm 1963. Địa chỉ: 72 đường T, phường H, quận L, thành phố Đ.

3.34. Bà **Trần Thị Yến L**, S năm 1993. Địa chỉ: Phường 708 Khu A, chung cư L, đường K, phường N, quận S, thành phố Đ.

3.35. Ông **Võ Thanh C**, S năm 1962. Địa chỉ: Số 177 đường H, quận H, thành phố Đ.

3.36. Bà **Nguyễn Thị Mỹ P**, S năm 1976. Địa chỉ: Số 38 đường N, phường M, quận N, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Kim L**, S năm: 1961. Địa chỉ: Số 38 đường N, phường M, quận N, thành phố Đ.

3.37. Bà **Nguyễn Thị Lệ H**, S năm 1973. Địa chỉ: Phường 101, số 15 ngách 1194/141 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Ni.

3.38. Bà **Nguyễn Thị Như T**, S năm 1982. Địa chỉ: Số 42 đường An Trung 7, phường An H Tây, quận S, thành phố Đ.

3.39. Bà **Nguyễn Thị Ánh N**, S năm 1992. Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Q (154 Trần Cao V, thành phố Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của: ông **Trần Duy T**, S năm: 1982. Địa chỉ: xã T, huyện Q, tỉnh Q.

3.40. Bà **H Thị P P**, S năm 1969. Địa chỉ: Số 124 đường P, thành phố Q, tỉnh Q. N.

3.41. Ông **Nguyễn H L**, S năm 1984. Địa chỉ: 24 P. B 9, phường H, quận C, thành phố Đ.

3.42. Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, S năm 1982. Địa chỉ: K432//5 đường Ô. I. K, quận T, thành phố Đ.

3.43. Ông **Hồ Việt Đ**, S năm 1974 .Địa chỉ: 52 L.T.X, phường C, quận T, thành phố Đ.

3.44. Bà **Pháian Thị H**, S năm 1982. Địa chỉ: K56/3 đường P.V.N, phường T, quận T. K, thành phố Đ.

3.45. Ông **Mai Đ C**, S năm 1967. Địa chỉ: 33 Pháiố K. Đ, phường G, quận H.M, tHành pháiố H .

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Pháiam N P**, S năm 1974. Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện Đ,tỉnh Q.

3.46. Bà **Trần Thị Kim L**, S năm 1967. Địa chỉ:T. X, xã L, huyện P, tỉnh T. T. H.

3.47. Ông **Hồ Sĩ H**, S năm 1983. Địa chỉ: Số 89 đường L. V. H, phường K, quận N. H. S, thành phố Đ.

3.48. Bà **Tăng Thị L V**, S năm 1972. Địa chỉ: K46/20C D.S.T.K, phường T.K, quận T, thành phố Đ.

3.49. Ông **Võ THành N**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 566 đường N. Th, phường H, quận H, thành phố Đ.

3.50. Ông **Nguyễn V Đ**, S năm 1985 .Địa chỉ: xã V. H, huyện V, tỉnh B.

3.51. Ông **Đặng X Đ**, S năm 1992. Địa chỉ: 641, T.C, thành phố Đ.

3.52. Bà **Trịnh Thị P N**, S năm 1979. Địa chỉ: 27/3B đường Đ.T.H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Bá N**, S năm: 1978. Địa chỉ: 27/3B Đ.T.H, thành phố Đ.

3.53. Bà **Nguyễn Thị G**, S năm 1967. Địa chỉ: Tổ 06, Khối pháiố T.T, quận C, tHành pháiố H, tỉnh Q.

3.54. Ông **Lê H T**, S năm 1986. Địa chỉ: K85/9 đường H.M.T, phường T, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Pháian Thị H**, S năm 1986. Địa chỉ: K85/9 H. M. T, phường T, quận H, thành phố Đ.

3.55. Ông **Pháiam X Q**, S năm 1982. Địa chỉ: Số 91-93 đường H.C, quận H, thành phố Đ.

3.56. Ông **Vũ Hữu Minh T**, S năm 1973. Địa chỉ: K125/11 đường N. V. T, quận S, thành phố Đ.

3.57. Ông **Hồ Sĩ H**, S năm 1986. Địa chỉ: Số 89 đường L. V.H, phường K, quận N, thành phố Đ.

3.58. Ông **Nguyễn V T**, S năm 1980. Địa chỉ: Tổ 13 P. Đ, tHành pháiố P, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị L A**, S năm: 1984. Địa chỉ: 96 L.D, tổ 5, phường P, thành phố P, tỉnh G.

3.59. Ông **Nguyễn Công S**, S năm 1976 - Địa chỉ: Thôn 4 phường B, thành phố P, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị L A**, S năm: 1984. Địa chỉ: : 96 L. D, tổ 5, phường P, thành phố P, tỉnh G.

3.60. Ông **Nguyễn Phảiước L**, S năm 1982. Địa chỉ: Thôn C. S, xã D, huyện D. X, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phảiiam Thị L** (Giấy ủy quyền ngày 01.10.2019 của ông Nguyễn Phảiước L).

3.61. Ông **Nguyễn Duy H**, S năm 1992. Địa chỉ: Số 35 đường A. T 21, quận N, thành phố Đ.

3.62. Ông **Trần Viết T**, S năm 1966. Địa chỉ: K153/3 đường T. X. L, phường H, quận T, thành phố Đ.

3.63. Bà **Trần Thị Th**, S năm 1963 - Địa chỉ: Tổ 10 phường H. M, quận L, thành phố Đ.

3.64. Ông **Lê N H**, S năm 1985. Địa chỉ: Phường 710 chung cư A3 V, đường V.Đ, quận S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê N T**, S năm: 1980. Địa chỉ: tổ 27, phường N, quận S, thành phố Đ.

3.65. Ông **Nguyễn L**, S năm 1964. Địa chỉ: 17/22B Đường số 2, Khu phố 22 phường B, quận B. T, thành phố H.

3.66. Ông **Nguyễn V C**, S năm 1976. Địa chỉ: Số 03 đường N, phường N. H. Đ, quận S, thành phố Đ.

3.67. Bà **Lưu Thị Kim L**, S năm 1966. Địa chỉ: Q. X 1, huyện Q, tỉnh Q.

3.68. Ông **Nguyễn Phảiước L**, S năm 1974. Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D.X, tỉnh Q.

3.69. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, S năm 1983. Địa chỉ: Thôn C. T. T, xã H, huyện H. V, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đặng H N** theo Giấy ủy quyền ngày 01.10.2019.

3.70. Ông **Nguyễn H**, S năm 1967. Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Q.

3.71. Bà **Đỗ Thị H**, S năm 1980. Địa chỉ: Tổ 27C, phường H, quận C, thành phố Đ.

3.72. Bà **Lương Thị Thanh T**, S năm 1966. Địa chỉ: Số 34 đường T. S 7, phường H.C. N, quận H, thành phố Đ.

3.73. Bà **Đào Bích N**, S năm 1986. Địa chỉ: NH 11, ngách 160/2 B.Đ, quận H. K, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn V H**, S năm 1980 theo Giấy ủy quyền ngày 27.9.2019.

3.74. Ông **Lê Phảiú H**, S năm 1980. Địa chỉ: Số 26 đường B.X. T, phường K, quận C, thành phố Đ.

3.75. Ông **Trần Quốc D**, S năm 1962. Địa chỉ: Số 06 đường P. T, phường M, quận N. H S, thành phố Đ.

3.76. Bà **Lê Thị T S** năm 1990. Địa chỉ: Khối 1, Phường N. H, thị xã C.L, tỉnh N.

3.77. Ông **Lê V T**, S năm 1971. Địa chỉ: Khối 2 thị trấn Đ. L, huyện Đ, tỉnh N. A.

3.78. Ông **Nguyễn V B**, S năm 1969. Địa chỉ: K15/23 đường T. T T, phường A, quận T, thành phố Đ.

3.79. Bà **D Thị H**, S năm 1959. Địa chỉ: Tổ 37, phường B, quận H, thành phố Đ.

3.80. Ông **Nguyễn V D**, S năm 1975. Địa chỉ: 596/1 đường H. D, quận H, thành phố Đ.

3.81. Bà **Nguyễn Thị Bích V**, S năm 1961. Địa chỉ: Số 487 đường T N. V, phường H. T .T, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn P**, S năm 1954. Địa chỉ: 487 T. N. V, quận H, thành phố Đ.

3.82. Bà **T N C**, S năm 1982. Địa chỉ: K176/27 đường T. P. P, quận H, thành phố Đ.

3.83. Ông **Nguyễn Đăng S**, S năm 1965. Địa chỉ: Số 86 đường T. P, thị trấn H, huyện H. L, tỉnh Q.

3.84. Ông **Nguyễn Đ T**, S năm 1954. Địa chỉ: xã C, huyện T, tỉnh Q.T.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Lê Nguyễn Phảiước D**,

3.85. Ông **Trần Quốc H**, S năm 1980 Địa chỉ: Số 431 đường H.C.C, phường P, quận B.T.L, thành phố H.

3.86. Bà **Huỳnh Quế V**, S năm 1971. Địa chỉ: Số 300 đường 2 tháng 9, quận H, thành phố Đ.

3.87. Bà **Lê Thị L**, S năm 1935. Địa chỉ: Số 50 đường H. T, phường H. H, quận N. H. S, thành phố Đ.

3.88. Ông **Lê N S**, S năm 1978. Địa chỉ: T. T, thị trấn T. M, huyện B. T.M, tỉnh Q.

3.89. Bà **Nguyễn Thị Ánh S**, S năm 1979. Địa chỉ: Số 20 đường B. H 3, quận C, thành phố Đ.

3.90. Ông **Nguyễn Phảiước Khánh T**, S năm 1992. Địa chỉ: Số 15 đường H. T. A, phường H, quận C, thành phố Đ.

3.91. Ông **Lương V T**, S năm 1986. Địa chỉ: K44/H13/06/12c đường Đ. S, thành phố Đ.

3.92. Bà **Huỳnh Thị Thu L**, S năm 1974. Địa chỉ: Số 26 đường P. P. T, Khối 7, thị trấn V.Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

3.93. Ông **Trần N T**, S năm 1989. Địa chỉ: Số 22 đường C. C. L, phường H, quận Th, thành phố Đ.

3.94. Bà **Võ Thị Kim Th**, S năm 1978. Địa chỉ: 30/1 đường Đ. T. M, quận T, thành phố Đ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông **Nguyễn Quang S**,

3.95. Bà **Trần Thị Kim T**, S năm 1961. Địa chỉ: 503/14 đường T. N V, quận H, thành phố Đ.

3.96. Ông **Nguyễn Thế K**, S năm 1998. Địa chỉ: 15B tổ 20, phường H. L, thành phố Đ, tỉnh Đ. B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm: 1962. Địa chỉ: xã H, huyện H. V, thành phố Đ.

3.97. Ông **Tăng Lê T**, S năm 1993 . Địa chỉ: 123/58 C. C.L. thành phố Đ.

3.98. Ông **Lê Nguyễn Phảiước B**, S năm 1991 - Địa chỉ: Số 12 đường N. Q, Khóm 5, thị trấn H, huyện H. L, tỉnh Q. T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Nguyễn Phảiước D**, S năm 1991. Địa chỉ : Khóm 5, thị trấn H, huyện H. L, tỉnh Q.

3.99. Ông **H V T**, S năm 1990. Địa chỉ: K36C/5 đường C. T. V, phường H, quận H, thành phố Đ.

3.100. Ông **H V L**, S năm 1968. Địa chỉ: Tổ 3 T. D, thị xã H. T, tỉnh T.T.H

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Trương Thị X** (theo Giấy ủy quyền ngày 12.10.2019).

3.101. Bà **Nguyễn Thị H**, S năm 1990. Địa chỉ: Số 19 đường C.L.V, phường M. A, quận N. H. S, thành phố Đ.

3.102. Ông **Nguyễn Công H**, S năm 1986. Địa chỉ: P105, Block 102 Khu V. T, phường B, huyện B. S, tỉnh Q. N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm: 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H. V, thành phố Đ.

3.103. Bà **Hồ Thị Lê T**, S năm 1987. Địa chỉ: Số 11 N. T T, tHành phố T, tỉnh Q.

3.104. Ông **Nguyễn N H K**, S năm 1983. Địa chỉ: Số 9A đường N. X. T, phường H. H, quận L. C, thành phố Đ.

3.105. Bà **Nguyễn Thị N H T**, S năm 1986 . Địa chỉ: Tổ 10 H. H, quận L. C, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Bích T**, S năm 1983 (theo Giấy ủy quyền ngày 14.10.2019).

3.106. Ông **Nguyễn Bá N**, S năm 1978. Địa chỉ: 27/3B đường Đ.T.H, phường T, quận T, thành phố Đ.

3.107. Ông **Lê Nguyễn Công T**, S năm 1983 và bà **Nguyễn Thị T Tr**, S năm 1986. Địa chỉ: K70/42 B.T .H, phường K, quận N. H. S, thành phố Đ.

3.108. Ông **Chu Đại P**, S năm 1983 . Địa chỉ:Tổ 23, Phường H, thành phố Đ. B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phảiiam N P**,

3.109. Ông **Nguyễn Bá T**, S năm 1984. Địa chỉ: Phường 1508 Golden Plaza, đường L.V L, quận T. X, tHành phố H.

3.110. Bà **Đậu Thị C S** năm 1976. Địa chỉ: A. T 30, phường M, quận N H.S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn Quang S**

3.111. Ông **Phảiiam N P**, S năm 1974 . Địa chỉ: Khối Phảiio Ng , xã Đ, huyện Đ. B, tỉnh Q.

3.112. Ông **H Quốc V**, S năm 1989. Địa chỉ: 52 N.N.H, quận L, thành phố Đ.  
Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Bích H theo Giấy ủy quyền ngày 11.10.2019.

3.113. Bà **Phảiian Thị H**, S năm 1986 Địa chỉ: K85/09 đường H, quận H, thành phố Đ.

3.114. Ông **Hồ Vương Q**, S năm 1984. Địa chỉ: xã Q. V, huyện Q.Đ, tỉnh T.

3.115. Ông **H Đình P**, S năm 1990 . Địa chỉ: 40/14 đường N.H.T, thành phố Đ.

3.116. Ông **D V P**, S năm 1992. Địa chỉ: 39 Đ.X.C, quận H, thành phố Đ.

3.117. Ông **Bùi X T**, S năm 1972. Địa chỉ: Số 38A ngách 164/38 đường V, quận T, tHành phố H.

3.118. Ông **Vũ Đ L**, S năm 198. Địa chỉ: Xóm 26 X.H, huyện X, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ V Đang**, S năm: 1967. Địa chỉ: Xóm 26 X.H, huyện X, tỉnh N.

3.119. Ông **Bùi Quang T**, S năm 1966. Địa chỉ: 286/6 đường H.V.T, phường 4, quận T, tHành phố H.

3.120. Ông **Nguyễn Đ H**, S năm 183. Địa chỉ: K169/H08/2C đường Phải.T, phường T, quận T, thành phố Đ.

3.121. Bà **Trịnh Thị X L**, S năm 1978. Địa chỉ: Số 40 đường N.Đ.Đ, phường H, quận H, thành phố Đ.

3.122. Ông **Trần Đình T**, S năm 1982 - Địa chỉ: KP X.P 1, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

3.123. Bà **Lê Thị Kim B**, S năm 1991. Địa chỉ: Số 262 đường N.H.S, quận Ng, thành phố Đ.

3.124. Bà **Phảiian Thị T**, S năm 1983. Địa chỉ: Xóm Đ. C, xã N, huyện N, tỉnh N.A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm: 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H.P, huyện H, thành phố Đ.

3.125. Ông **Lê Viết L**, S năm 1970. Địa chỉ: H.U, huyện B, tHành phảiố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phảiiam N P**, S năm: 1974. Địa chỉ: thôn N, xã Đ.B, huyện Đ,tỉnh Q.

3.126. Bà **Nguyễn Thị Bích H**, S năm 1967. Địa chỉ: Số 35 Ngõ 179 M. Kh, quận H.B, tHành phảiố H.

3.127. Bà **Phảiian Thị L A**, S năm 1984. Địa chỉ: 27/1 đường T. A 1, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh T**, S năm: 1962. Địa chỉ: thôn Q, xã H.P, huyện H, thành phố Đ.

3.128. Bà **Nguyễn Thị Kim C**, 1960. Địa chỉ: 112/6 đường Q.T, phảiường T, quận H, thành phố Đ.

3.129. Bà **Nguyễn Thị G**, S năm 1956. Địa chỉ: Lô 22, đường Đ.C.T, quận S, thành phố Đ.

3.130. Bà **Châu Thị L**, S năm 1964. Địa chỉ: Số 77 đường L. L, quận H, thành phố Đ.

3.131. Bà **Nguyễn Thị P**, S năm 1985. Địa chỉ: Số 85 đường N.D.H, phảiường A, quận S, thành phố Đ.

3.132. Ông **Nguyễn V H**, S năm 1977. Địa chỉ: Số 77 đường L. V. H, quận N.H. S, thành phố Đ.

3.133. Ông **Nguyễn Thanh C**, S năm 1983. Địa chỉ: Thôn T. N, xã D. V, huyện D, tỉnh Q.

3.134. Ông **Đỗ V T**, S năm 1972. Địa chỉ: Thôn Trà Đng, xã Duy V, huyện Duy Xuyên,tỉnh Q.

3.135. Ông **Lê Nguyên H**, S năm 1975. Địa chỉ: Số 01 đường L. Ch, tHành phảiố K, tỉnh K. T.

3.136. Bà **Mai Thị Kim A**, S năm 1984. Địa chỉ: Tầng 5 tòa nH Th, 280 X, thành phố Đ.

3.137. Bà **H Thị Ánh H**, S năm: Số 100 đường H, phảiường K, quận C, thành phố Đ.

3.138. Ông **Nguyễn T B**, S năm 1991. Địa chỉ: Số 27B đường Phải, thị xã Q.T, tỉnh Q.

- 3.139. Bà **Lê Thị Quỳnh L**, S năm 1980. Địa chỉ: Số 68 đường C, quận H Châu thành phố Đ.
- 3.140. Bà **Đặng Thị Bích T**, S năm 1991. Địa chỉ: Phảìòng 408 ,số 40 đường N, quận H, thành phố Đ.
- 3.141. Ông **Mai X D**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 52 đường T, tHành phảìó T.K, tỉnh Q.
- 3.142. Bà **PHải Thị N H**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 24 đường Đ.H T, phảìường H, quận C, thành phố Đ.
- 3.143. Ông **Lê Anh K**, S năm 1980. Địa chỉ: Số 39 đường T. S 3, phảìường H.C, quận H, thành phố Đ.
- 3.144. Ông **Phảìam T**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 77 đường N. D, quận H, thành phố Đ.
- 3.145. Bà **Nguyễn Thị N A**, S năm. Địa chỉ: Số 207 đường Ng.D, phảìường K, quận N. H. S, thành phố Đ.
- 3.146. Ông **Nguyễn V T**, S năm 1975. Địa chỉ: Số 119 đường H, phảìường H. M, quận L, thành phố Đ.
- 3.147. Bà **Nguyễn Thu Th**, S năm 1985. Địa chỉ: Kho bạc NH nước V
- 3.148. Ông **Phảìan H H**, S năm 1969. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Q, tỉnh B.
- 3.149. Bà **Đoàn Thị Kim H**, S năm 1960 . Địa chỉ: Số 01 đường 17/4, thị trấn L, huyện T, tỉnh B.
- 3.150. Bà **Lê Thị T**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 502 đường N.P, thành phố Đ
- 3.151. Ông **Phảìan Tăng Q**, S năm 1985. Địa chỉ: 215/55 đường H, thành phố Đ.
- 3.152. Bà **Nguyễn Thị Diệu M**, S năm 1964 Địa chỉ: 1426A1- H.V.T, phảìường 4, tHành phảìó H.
- 3.153. Ông **Lê Trọng D**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 83 đường Y, phảìường T, quận S, thành phố Đ.
- 3.154. Ông **Đỗ Đ H**, S năm 1979 .Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Đ, tHành phảìó H.
- 3.155. Bà **Trần Thị Kim B**, S năm 1976. Địa chỉ: Tổ 130 phảìường H, quận L, thành phố Đ.
- 3.156. Ông **Trần Hiếu D**, S năm 1983. Địa chỉ: Căn hộ D10-06 chung cư S Kỳ I, phảìường S, quận T, tHành phảìó M.
- 3.157. Ông **Nguyễn V D**, S năm 1962. Địa chỉ: Số 09 đường Tôn Thất Đạm, quận K, thành phố Đ.
- 3.158. Bà **Lê Thị T**, S năm 1979. Địa chỉ: Khu ĐT K , xã T, huyện N, tỉnh Q.

- 3.159. Ông **Nguyễn V T**, S năm 1969. Địa chỉ: Chư P, xã Ea, huyện S, tỉnh P.
- 3.160. Bà **Nguyễn Thị Thu T**, S năm 1977. Địa chỉ: Số 205 đường T, phường C, quận K, thành phố Đ
- 3.161. Bà **Trần Thị V**, S năm 1965. Địa chỉ: Tổ 21 phường K, quận C, thành phố Đ.
- 3.162. Bà **Đoàn Thị M**, S năm 1988 . Địa chỉ: Đ thị F – LK4-08 Đ. N, huyện Đ,tỉnh Q.
- 3.163. Bà **Huỳnh Thị P U**, S năm 1978 . Địa chỉ: Số 52 đường Lê Thị Xuyên, quận K, thành phố Đ.
- 3.164. Ông **Nguyễn V N**, S năm 1977. Địa chỉ: H Quảng Bắc, xã Điện D, huyện Đ,tỉnh Q.
- 3.165. Ông **Đặng Thanh A**, S năm 1977. Địa chỉ: Phường 10, lầu 10, tháp R1 , 968 đường 3/2, Q.11, tHành phố M.
- 3.166. Ông **Nguyễn V Đ**, S năm 1982. Địa chỉ: K183/35 đường Trần Th, thành phố Đ.
- 3.167. Bà **Nguyễn Thị S**, S năm 1979. Địa chỉ: KI 84/35 đường Trần T, phường An Khê, quận K, thành phố Đ.
- 3.168. Ông **Nguyễn Đình N**, S năm 1982. Địa chỉ: 75/7 đường T.L, phường H, quận H, thành phố Đ.
- 3.169. Bà **Phải Thị H**, S năm 1975. Địa chỉ: Số 48 đường B.T, quận C, thành phố Đ.
- 3.170. Bà **Nguyễn Thị T**, S năm 1979. Địa chỉ: 09 Nguyễn Giãn Thanh , thành phố Đ.
- 3.171. Bà **Lê Thị Diệu L**, S năm 1969. Địa chỉ: K86/14 đường Thi S, phường H.T, quận H, thành phố Đ.
- 3.172. Bà **Lưu Kim N**, S năm 1970. Địa chỉ: Phải. B, Q.X 2, huyện Q, tỉnh Q.
- 3.173. Ông **Bùi N V**, S năm 1983. Địa chỉ: Tổ 2, H.L, huyện T, tỉnh Q.
- 3.174. Bà **Trần Thị P**, S năm 1985. Địa chỉ: N.D, xã Đ.A, huyện Đ,tỉnh Q.
- 3.175. Ông **Hồ V Đ**, S năm 1991 Địa chỉ: Thôn C, xã C. H, huyện Q, tỉnh Q.B.
- 3.176. Ông **Cao V Đ**, S năm 1986. Địa chỉ: Số 14 đường Th. An 1, phường X, quận K, thành phố Đ.
- 3.177. Ông **Phải Tiến Th**, S năm 1971. Địa chỉ: Số 55 đường Y, phường H, quận H, thành phố Đ.
- 3.178. Ông **Võ V T**, S năm 1973 Địa chỉ: Tân B 4, xã Đ, huyện Đ,tỉnh Q.
- 3.179. Ông **Trần Đình S**, S năm 1974. Địa chỉ: xã Đ.P, huyện Đ,tỉnh Q.

- 3.180. Bà **Trương Thị Thúy H**, S năm 1966. Địa chỉ: Số 144 đường T. L, quận S, thành phố Đ.
- 3.181. Ông **Phảiiam H**, S năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phảiố số 5, phảiường C, quận N, tHành phảiố H.
- 3.182. Ông **Lê Quốc D**, S năm 1976. Địa chỉ: xã H, huyện D. P, huyện D.X , tỉnh Q.
- 3.183. Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, S năm 1981. Địa chỉ: Số 158 đường L.T.T, tHành phảiố
- 3.184. Bà **Nguyễn Bích Th**, S năm 1968. Địa chỉ: 83 T. K. H, phảiường Phải, quận S, thành phố Đ.
- 3.185. Ông **Nguyễn Đình T**, S năm 1985. Địa chỉ: 289 đường Q.T.T, phảiường H, quận C, thành phố Đ.
- 3.186. Bà **Vũ Thị H**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 25A hẻm 34/232/18 V. T, quận H.B, tHành phảiố H.
- 3.187. Bà **Phảiiam Thị Thu T**, S năm 1983. Địa chỉ: Số 12 đường Phải.C.L, phảiường A, quận S, thành phố Đ.
- 3.188. Ông **Doãn Bá Đ**, S năm 1988. Địa chỉ: xã T, huyện N. Th, tỉnh Q
- 3.189. Bà **Nguyễn Thị C**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 216 đường N.C.T, quận S, thành phố Đ
- 3.190. Bà **Đoàn Thị Ngân H**, S năm 1995. Địa chỉ: K266/H35/30D đường H.D, phảiường B, quận H, thành phố Đ.
- 3.191. Ông **Đỗ Minh Tr**, S năm 1969 . Địa chỉ: 137/60 đường số 11, phảiường B.T, quận B, tHành phảiố M.
- 3.192. Bà **Nguyễn Thị H H**, S năm 1979. Địa chỉ: 64/163 phảiố T.Đ, Tổ 11 L.B, tHành phảiố H.
- 3.193. Bà **Trần Nguyễn Tường L**, S năm 1988. Địa chỉ: Khối B. S, phảiường T, tHành phảiố H. A ,tỉnh Q.
- 3.194. Ông **Thái V N**, S năm 1967. Địa chỉ: K85/9 đường H.M.T, phảiường T, quận H, thành phố Đ.
- 3.195. Bà **Lê Thị H**, S năm 1989. Địa chỉ: Số 41 đường P.B.C, tHành phảiố H.A,tỉnh Q.
- 3.196. Bà **Trần Thị Diệu H**, S năm 1982. Địa chỉ: Số 39 đường T.Q, phảiường T, quận H, thành phố Đ.
- 3.197. Bà **Lại Thị C**, S năm 1973 Địa chỉ: Tổ 40, phảiường H, quận C, thành phố Đ.
- 3.198. Bà **Phảiiam Thị H**, S năm 1979. Địa chỉ: Tổ 139, phảiường K, quận C, thành phố Đ.

- 3.199. Ông **Lại Năng T**, S năm 1965. Địa chỉ: V. Th, xã H, tHành phố L, tỉnh L.S
- 3.200. Ông **Đinh T**, S năm 1962. Địa chỉ: Thôn Q, xã H.P, huyện H, thành phố Đ.
- 3.201. Ông **Nguyễn Đ Kh** và bà **Nguyễn Việt H P** - Địa chỉ: Số 78 đường H.H.T, thành phố Đ
- 3.202. Ông **Trần X Q**, S năm 1975. Địa chỉ: Tổ 30 phố phường T.C, quận K, thành phố Đ.
- 3.203. Bà **Trần Thị P T**, S năm 1971. Địa chỉ: K377/14 đường H.P, thành phố Đ.
- 3.204. Ông **Trần Đăng C**, S năm 1971. Địa chỉ: H.H, xã B.H H, huyện T, tỉnh Q.
- 3.205. Ông **Lê V N**, S năm 1975. Địa chỉ: Đồn Biên phố phường B, thôn H.B, xã B, huyện T, tỉnh Q.
- 3.206. Ông **Nguyễn X T**, S năm 1980 Địa chỉ: Tầng 5 tòa nH F, số 16 đường L, quận H, thành phố Đ.
- 3.207. Ông **Sỳ Ly S**, S năm 1984. Địa chỉ: Khu Phố 5, L.T, thị xã L, tỉnh B. P.
- 3.208. Ông **Phảiiam T**, S năm 1966. Địa chỉ: Số 12 đường 3 tháng 2, phố phường T, quận H, thành phố Đ.
- 3.209. Ông **Đỗ Anh T**, S năm 1977. Địa chỉ: Tổ 88, phố phường H, quận C, thành phố Đ.
- 3.210. Bà **Trần Thị T**, S năm 1962 - Địa chỉ: Số 439 đường H.B, tHành phố H, tỉnh Q.
- 3.211. Bà **Nguyễn N P C**, S năm 1971. Địa chỉ: K66/2 đường T.M, quận S, thành phố Đ.
- 3.212. Ông **PHải Thanh T**, S năm 1985. Địa chỉ: Số 47 đường Bàu T , phố phường K, quận C, thành phố Đ.
- Người đại diện theo ủy quyền : Bà **H Thị C**, S năm 1959. Địa chỉ: 131 đường P.P.T, phố phường K, quận C, thành phố Đ.
- 3.213. Bà **H Thị C**, S năm 1959. Địa chỉ: Số 131 đường P.P.T, phố phường K, quận C, thành phố Đ.
- 3.214. Ông **Nguyễn Tăng C**, S năm 1957. Địa chỉ: Số 131 đường P.P.T, thành phố Đ.
- 3.215. Bà **Nguyễn Thị Lg**, S năm 1962. Địa chỉ: K52/203 đường T.Q.T, quận H, thành phố Đ.
- 3.216. Ông **Bùi Minh T**, S năm 1979. Địa chỉ: Số 36 đường D. T, khu phố mới T, tHành phố T, tỉnh Q.

3.217. Ông **Nguyễn Kim N H**, S năm 1983. Địa chỉ: Số 67 đường Đ, phường H.K, quận L, thành phố Đ.

3.218. Bà **Trần Thị T**, S năm 1980 Địa chỉ: Số 40 đường T.C, phường L, thành phố Q.N, tỉnh Q.

3.219. Ông **Mai Tấn P**, S năm 1955 . Địa chỉ:Tòa nH FPT đường N. K, phường H, quận N.H.S, thành phố Đ.

3.220. Bà **Lê Thị X P**, S năm 1993. Địa chỉ: K1/H53/13 đường P.N.X, quận L, thành phố Đ.

3.221. Bà **Nguyễn Thị H A**, S năm 1979. Địa chỉ: Số 216 đường N. C. T, quận S, thành phố Đ.

3.222. Ông **Đặng Đình B**, S năm 1978. Địa chỉ: Tổ 6 thôn V. Thạch, xã T, huyện N. T,tỉnh Q.

3.223. Ông **Đỗ Công K**, S năm 1978. S năm 1985. Địa chỉ: Khu tập thể cán bộ , thôn H. H, xã H. P, huyện H, thành phố Đ.

3.224. Bà **H Thị H**, S năm 1977. Địa chỉ: Số 49 đường N. Th 1, phường T.Q, quận S, thành phố Đ.

3.225. Bà **Triệu Trần Quế Ch**, S năm 1981. Địa chỉ: Khối phố 6, Tr. X, thành phố T, tỉnh Q.

3.226. Ông **Nguyễn Trọng T**, S năm 1985. Địa chỉ: 34 Nguyễn Hữu T, phường A, quận K, thành phố Đ.

3.227. Ông **Cao Thế Trễ**, S năm 1977. Địa chỉ: Nghĩa Trung, huyện T, tỉnh Q.

228. Ông **Nguyễn Quốc T**, S năm 1983. Địa chỉ: Tập thể Z1 tổ 2 P.D, quận B.T, thành phố H.

3.229. Ông **Nguyễn V M**, S năm 1977. Địa chỉ: N. D 1, xã Đ.P, huyện Đ,tỉnh Q.

3.230. Ông **Nguyễn Đình B**, S năm 1959 .Địa chỉ: Xã T T, huyện B.T, tỉnh Q.B.

3.231.Ông **Lê H L**, S năm 1981. Địa chỉ: B. A , xã Đ. A, huyện Đ, tỉnh Q.

232. Ông **Phảian X R**, S năm 1956. Địa chỉ: 241/38 đường Trường Chinh, thành phố Đ.

233. Ông **Trần V V**, S năm 1966. Địa chỉ: K503/14 đường Trung Nữ Vương, thành phố Đ

3.234. Ông **Nguyễn D**, S năm 1979. Địa chỉ: Thôn 3, xã S.T, huyện H, tỉnh Q.

3.235. Bà **Nguyễn Thị Thu Đ**, S năm 1977. Địa chỉ: 109/06 Nguyễn H.T, thành phố Đ.

- 3.236. Ông **Trần Quốc B**, S năm 1984. Địa chỉ: Số 215 đường Nguyễn Công T, quận S, thành phố Đ.
- 3.237. Bà **Cái Phảiiam N Th**, S năm 1988. Địa chỉ: H47/14/58 đường Ô.I.K, thành phố Đ.
- 3.238. Ông **Đỗ Minh T**, S năm 1967. Địa chỉ: thôn Y, xã T, quận T. T, tHành phố H.
- 3.239. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, S năm 1985. Địa chỉ: Số 449 Nguyễn C.T, tHành phố R, tỉnh K.
- 3.240. Bà **Nguyễn Thị Thái H**, S năm 1991. Địa chỉ: 140/5 đường Trần H. Đ, Khu phố T. T, phố 1, thành phố Đ, tỉnh Q
- 3.241. Ông **Mai V H**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 34 đường P. L 14, phố H, quận L, thành phố Đ.
- 3.242. Ông **Huỳnh Viêt D**, S năm 1979. Địa chỉ: H27/04/K233 đường T.N, quận H, thành phố Đ.
- 3.243. Ông **Nguyễn THành T**, S năm 1973. Địa chỉ: Số nH 41, đường M.K 1, tổ 30 phố P, quận S, thành phố Đ.
- 3.244. Bà **Lê L H**, S năm 1991. Địa chỉ: Số 162 đường T.L, phố H.N, quận H, thành phố Đ.
- 3.245. Ông **Ngô V C**, S năm 1964. Địa chỉ: K227/87 đường N.V.Y, phố P, quận S, thành phố Đ.
- 3.246. Bà **Nguyễn Thị T**, S năm 1957. Địa chỉ: Số 26 đường B.H.N, phố A, quận S, thành phố Đ.
- 3.247. Ông **Nguyễn H C**, S năm 1979. Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn H.L, huyện T.B, tỉnh Q.
- 3.248. Bà **Võ Thị Đ**, S năm 1980. Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn H. L, huyện T.B, tỉnh Q.
- 3.249. Ông **Nguyễn V D**, S năm 1962. Địa chỉ: Số 09 đường Tôn Thất Đạm, quận K, thành phố Đ.
- 3.250. Ông **Nguyễn Công văn S** năm 1996 . Địa chỉ: 75/9 đường Đ.V, phố An H Đng, quận S, thành phố Đ.
- 3.251. Bà **Nguyễn Thị H**, S năm 1985. Địa chỉ: D9 A.T 30, phố B, quận N.H.S, thành phố Đ.
- 3.252. Bà **Phảiiam Thị L**, S năm 1980 Địa chỉ: Số 440 đường N. Tr, tHành phố B, tỉnh B. N.
- 3.253. Ông **Lê Thế H**, S năm 1975. Địa chỉ: xã S, huyện T. T, tỉnh B. N.
- 3.254. Ông **Nguyễn Duy H**, S năm 1992. Địa chỉ: Số 35 đường A.T 21, quận N.H.S, thành phố Đ.

255. Ông **Mai V D**, S năm 1968. Địa chỉ: Số 121 đường Vũ Lăng, quận C, thành phố Đ.

3.256. Ông **Châu P**, S năm 1960. Địa chỉ: Số 109 đường T. H. Đ, phường N.H.Đ, quận S, thành phố Đ.

3.257. Ông **Trần Thanh H**, S năm 1966. Địa chỉ: Số 06 đường N.T.T, phường K .T, quận K, thành phố Đ.

3.258. Bà **Huỳnh Thị Bạch T**, S năm 1969. Địa chỉ: Số 133 đường L.L, quận H, thành phố Đ.

Trong số 258 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các cá nhân được Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ triệu tập thì : Bà **Phải Thị N H**, ông **Lê Phải H**, bà **Phải Thị L**, ông **Nguyễn V H**, ông **Đặng Đình B**, ông **Nguyễn Đăng S** có đơn xin vắng mặt.

3.259. Ủy ban nhân dân tỉnh Q – Địa chỉ: Số 62 đường H.V, thành phố T, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn P** – Chức vụ: Giám đốc Sở Xây dựng, ông **Trịnh X T** – Chức vụ: Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Q và ông **Nguyễn Đ** – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

3.260. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Địa chỉ: Số 18 đường L.L, thành phố T, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh X T** – Chức vụ: Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt

3.261. Sở Xây dựng tỉnh Q. Địa chỉ: Số 11 đường T.Q.C, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần V C** – Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt

3.262. Đại diện UBND thị xã Đ, tỉnh Q. Địa chỉ: Số 22 đường H.D, thị xã Đ, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đ** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

## **NỘI D VỤ ÁN**

### **Công ty Cổ phần B trình bày :**

Tại Quyết định số 2450/QĐ – UBND ngày 10/07, Công ty Cổ phần B được UBND tỉnh Q phê duyệt chức năng chủ đầu tư, sử dụng quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu Đ thị H có diện tích 18,258 ha. Trong thời gian đó, nằm trong CH trình được phải ép kêu gọi góp vốn đầu tư nhằm triển khai dự án và chia lợi trong tương lai, Công ty B đã có hợp đồng số 01/2017 – SĐBS ngày 24/07/2017 với Công ty Cổ phần dịch vụ Bất động sản N nay đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư N nhằm mục đích khai thác dự án H thuộc khu Đ thị Điện N,

Đ.N, thị xã Đ,tỉnh Q. Sau khi đầu tư và chia làm 9 đợt nộp tiền từ ngày triển khai đến khi hoàn tHành cấp sổ dự án. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư là Công ty B đã phảiát hiện việc Công ty N đã gây ra rất Nều sai phảiiam. Cụ thể là :

Trong quá trình ban đầu triển khai, chủ đầu tư đã phảiát Hành Công văn số 05/2017/CV – BĐA ngày 21/8/2017 quy định việc triển khai dự án và chỉ cho phảiếp giới thiệu tiện ích dự án, giới thiệu địa điểm và chỉ cho phảiếp đặt chỗ dự kiến sẽ giao dịch và chỉ thực hiện giao dịch khi chủ đầu tư hoàn tHành các quy định về triển khai dự án của UBNDtỉnh Q.

Ngày 04/11/2017, Công ty N đã phảiát Hành giấy mời khách Hng để tổ chức mở bán các lô đất dự án tại khách sạn M.T khi chưa xin phảiếp chủ đầu tư và Ny khi phảiát hiện công ty B đã có Công văn số 38/2017/CV - BĐA ngày 7/11/2017 nghiêm cấm việc tổ chức mở bán và đã cảnh báo về việc làm sai trái này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng về sau nhưng sau đó Công ty N vẫn phảiát lờ và tổ chức bán tại khách sạn M.T vào ngày 8/11/2017 để thu tiền trái phảiếp của khách Hng.

Để đảm bảo uy tín dự án, ngày 9/11/2017, chủ đầu tư phảiát Hành Công văn số 40/2017/ CV - BĐA chấm dứt hợp đồng do Công ty N mở bán trái phảiếp dự án khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. Công văn số 41/2017 CV – BĐA ngày 09/11/2017 yêu cầu Công ty N gỡ bỏ T bộ thông T quảng cáo và không được tổ chức giới thiệu dự án cho khách Hng. Sau khi nhận được V bản chủ đầu tư, Công ty N tỏ ra bất hợp tác nên chủ đầu tư tiếp tục phảiát Hành Công văn số 42/2017/ CV – BĐA ngày 14/11/2017 yêu cầu Công ty N chấm dứt Ny mọi hoạt động vi phảiiam hoạt động và thể hiện sự gian dối trong việc chốt danh sách khách Hng đặt chỗ.

Ngày 14/11/2017, Công ty N có Công văn số 74/CV – HNN và V bản trình bày gửi chủ đầu tư thừa nhận sai phảiiam và xin nhận T bộ trách Nệm về việc vi phảiiam nghiêm trọng này. Chủ đầu tư liên tục có V bản số 4A/ 2017/ CV – BĐA ngày 16/11/2017 và V bản số 45/2017/CV – BĐA ngày 17/11/2017 về việc mời Công ty N hợp để giải Q hợp đồng và tổ chức cuộc họp giữa hai bên.

Trong thời gian tiếp theo việc hợp tác diễn ra B thường giữa chủ đầu tư và Công ty N trong các hoạt động cùng nhau như làm công cHo dự án, đề nghị thi công các tuyến đường để làm đẹp cảnh quan.

Khách Hng của Công ty N phải báo cáo phải báo cáo cho chủ đầu tư biết để Q toán chênh lệch giữa giá bán sỉ và giá bán lẻ và Công ty N phải xuất hóa đơn chênh lệch đó cho chủ đầu tư để chủ đầu tư kê khai thuế NH nước, việc này vi phảiiam Điều 5 của hợp đồng. Ngoài ra quy định các đợt thanh toán bên thứ 3 phải theo Điều 4 Hợp đồng nhưng có trường hợp đã thu 1 lần 95%. Sự việc nghiêm trọng này đã không những vi phảiiam hợp đồng mà vi phảiiam nghiêm trọng các chính sách của NH nước về quản lý thuế. Ngoài ra Công ty N còn lạm thu tiền của khách Hng dẫn đến khách Hng liên tục khiếu nại đến Công ty B và N đã có Công văn số

52/2018/CV – HNN ngày 25/8/2018 cam kết không có sự việc khiếu nại và không có lạm thu. Trong Công văn 52/2018/CV – HNN ngày 31/8/2018 Công ty N vẫn khẳng định không thu tiền khách Hng và sau Nêu lần họp không ký biên bản. Với sai phạm đó, Công ty B đã ra thông báo số 49/2018/CV-BĐA ngày 31/8/2018 và thông báo số 50/2018/CV-BĐA ngày 4/9/2019 liên quan đến việc chấm dứt trước hạn Hợp đồng số 01/2019-SĐBS.

Công ty CP B khởi kiện Công ty N và yêu cầu Tòa án giải Q như sau:

1. Chấm dứt Hợp đồng số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 và các phải lực đính kèm đã ký với Công ty Cổ phải lực Đầu tư N.

2. Thu hồi lại T bộ các lô đất theo Hợp đồng 01/2017 – SĐBS ngày 24/7/2017 và các phải lực đính kèm đã ký với Công ty Cổ phải lực Đầu tư N (2 phải lực kèm theo)

3. Căn cứ Điều 10 của Hợp đồng, buộc công ty Cổ phải lực N bồi thường 10% giá trị hợp đồng do việc vi phạm dẫn đến bị chấm dứt hợp đồng, số tiền yêu cầu bồi thường là:  $38.022,1m^2 * 5.500.000đ/m^2 * 10\% = 20.912.155.000$  đồng.

***Công ty cổ phải lực đầu tư N trình bày :***

Công ty cổ phải lực đầu tư N ký kết Hợp đồng số 01/2017 – SĐBS ngày 24/07/2017 với Công ty Cổ phải lực B để thực hiện môi giới các sản phẩm trong Dự án Khu Đ thị H thuộc phải lực Đ.N, thị xã Đ, tỉnh Q. Theo các quy định trong hợp đồng, N là đơn vị môi giới, sẽ thực hiện hoạt động quảng bá, giới thiệu Dự án, tìm kiếm khách Hng có mong muốn sở hữu các sản phẩm trong Dự án; thực hiện việc ký Phải lực đăng ký mua sản phẩm với các khách Hng, tiến Hành thu tiền từ các khách Hng và chuyển tiền đặt cọc cho chủ đầu tư là Công ty B. Trên cơ sở hợp đồng, N đã tiến Hành ký kết 326 Phải lực đăng ký mua sản phẩm và đã chuyển tổng cộng 110.960.883.000 đ cho Công ty B. Công ty N thực hiện trên cơ sở quy định trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phải lực N đã thực hiện đúng quy định của hợp đồng: cho khách Hng đăng ký giữ chỗ, tổ chức lễ giới thiệu, khách Hng đăng ký mua và ký kết Phải lực đăng ký mua.

Đối với việc Công ty B cho rằng Công ty N tự ý thực hiện việc bán Hng, tự ý ký kết hợp đồng với khách Hng không có sự thông báo, phải lực duyệt từ Chủ đầu tư, cũng không cung cấp danh sách, thông T khách Hng tới Chủ đầu tư. Công ty N khẳng định luôn thực hiện các Công văn việc của mình trên cơ sở tôn trọng các điều khoản, thỏa thuận trong Hợp đồng với đúng phải lực vi quyền hạn Nệm vụ của một đơn vị môi giới. Khẳng định không có sự tự ý mở bán mà chỉ có các buổi giới thiệu dự án, giới thiệu sản phẩm, tiện ích tới các khách Hng. Tại các buổi lễ này, Công ty H không ký kết bất cứ hợp đồng chuyển nhượng nào với khách Hng mà chỉ tiến Hành việc ký Phải lực Đăng ký đặt mua sản phẩm nhằm ghi nhận lại nguyện vọng, mong muốn được sở hữu sản phẩm trong dự án của các khách Hng. Việc này

nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết hợp đồng giao dịch giữa khách Hng và Chủ đầu tư sau này. Việc Công ty B cho rằng không được biết các hoạt động Công việc này của Công ty N là hoàn toàn không đúng sự thật. Vì khi thực hiện các buổi quảng bá, giới thiệu dự án tới khách Hng, Công ty N đều có thông báo, giấy mời gửi tới Công ty B và các buổi lễ này đều có sự tham gia của các đại diện Công ty B. Thêm vào đó vào ngày 10/11/2017, Công ty N cũng đã gửi danh sách, thông tin các khách Hng đặt mua sản phẩm tại Dự án H tới Công ty B nhưng tới nay vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía Công ty B về danh sách khách Hng này.

Đối với việc thu tiền của các khách Hng đăng ký đặt mua sản phẩm. Điều 4 của Hợp đồng có quy định về tiến độ thanh toán tiền của bên thứ ba nhưng chỉ là “*tạm đưa ra*” và có thể được điều chỉnh trên cơ sở P án kinh doanh của Công ty N. Hợp đồng cũng có quy định về việc thay đổi tiến độ sẽ được bên B gửi bằng V bản và được Bên A chấp nhận bằng V bản. Tuy nhiên, Hợp đồng lại không có quy định cụ thể, chi tiết về nghĩa vụ phải thông báo của Công ty N hay quyền phê duyệt của Công ty B. Mặt khác khoản 5.5 của Hợp đồng có quy định: “*Khi Bên B thu tiền thanh toán đợt 1 của Bên thứ ba, Bên B ngoài việc thu hồi T bộ số tiền đặt cọc sẽ được thu hồi 100% tiền H H của Lô đất đó*”. Theo quy định này, Công ty N có quyền điều chỉnh việc thu tiền thanh toán của khách Hng nhằm đảm bảo thu hồi phải tiền đặt cọc cũng như H H. Thỏa thuận giữa Công ty N và khách Hng đặt mua thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận về tiến độ thanh toán và hoàn toàn không bị phải thuộc, chi phối bởi thỏa thuận giữa N và B. Đối chiếu với vị T của Công ty N trong quan hệ với khách Hng, vị T của Công ty N trong quan hệ với B thì N không có sự vi phạm về các thỏa thuận về tiến độ. Do đó không có việc Công ty B cho rằng Công ty N vi phạm điều 4 của Hợp đồng số 01 là không có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 7.2.9 của Hợp đồng 01 thì Công ty B cam kết sẽ ký và bàn giao Hợp đồng giao dịch với bên thứ ba trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Công ty N gửi danh sách bên thứ ba mua các lô đất. Tuy nhiên kể từ thời điểm tháng 11/2017 tới nay, Công ty B chưa có bất cứ phản hồi nào về danh sách các khách Hng mà Công ty đã chuyển, và cũng chưa khách Hng nào được ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư B. Theo quy định tại khoản 3.1 của Hợp đồng 01, Công ty B cam kết hoàn thành T bộ hạ tầng kỹ thuật của dự án, xin cấp GCN QSDĐ trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng theo từng mốc thời gian cụ thể đã quy định tại điều 2.2 của Hợp đồng, tức ngày 19/05/2019. Tuy nhiên tới nay tính từ thời điểm tháng 3/2019, Dự án H vẫn chưa hoàn thành xong phải hạ tầng kỹ thuật. Theo tư liệu hình ảnh hiện có, thì Công ty B mới lên các khung đường chính và vẫn đang tiến hành san lấp mặt bằng, tương đương với các Công việc thực hiện tại giai đoạn 3 theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng và Dự án H đã chậm tiến độ hơn 1

năm so với tiến độ cam kết của Công ty B.

Ngày 05/03/2019, Công ty N nhận được V bản số 49/TTr-Nv3 ngày 28/02/2019 của Thanh Tra Sở Xây dựng tỉnh Q, trong đó nội D thể hiện đối với dự án H, Công ty B chưa được cấp V bản chấp thuận chủ trương đầu tư và hiện Dự án chưa đủ điều kiện để ký kết hợp đồng giao dịch. Trong khi đó tại Điều 7.2.1 của Hợp đồng: Công ty B cam kết “*Dự án được cơ quan nH nước có thẩm quyền giao cho bên A làm chủ đầu tư hợp pháp*”, Điều 7.2.3 của Hợp đồng, Công ty B cam kết: “*Hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án và bảo đảm triển khai xây dựng Dự án theo đúng tiến độ; cam kết Dự án đủ điều kiện bán cho Bên B và ký Hợp đồng đặt cọc/chuyển quyền sử dụng Lô đất với bên thứ ba do Bên B chỉ định*”. Như vậy, Công ty B tiếp tục vi phạm cam kết về tính pháp lý của Dự án và đã có Nêu vi phạm nghiêm trọng như đã nêu trên, và cũng đã có động thái đơn P chấm dứt Hợp đồng, nhưng trên cơ sở thiện chí và mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng để đảm bảo quyền lợi cho các khách Hng đã đặt mua, Công ty N đã nỗ lực, tranh thủ các cơ hội để có thể tìm kiếm P án giải Q nhưng Công ty B luôn có thái độ thiếu thiện chí của. Ngày 18/03/2019 vừa qua, Công ty B phảiát Hành V bản số 18/2019/CV-BĐA thể hiện quan điểm giải Q vụ việc. Theo đó, Công ty B thể hiện thái độ dứt khoát bảo vệ quan điểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng với Công ty N nhưng Công ty N không đồng ý và phảián tố yêu cầu những vấn đề sau : Đề nghị Công ty B tiếp tục thực hiện hợp đồng; Yêu cầu Công ty Cổ phảián B chi trả các khoản phảiát hợp đồng do việc chậm tiến độ dự án gây ra theo quy định tại Điều 3.2 và điều 10.2 của Hợp đồng số 01, cụ thể:

+ Số tiền phảiát chậm tiến độ 60 ngày đầu tiên:  $60 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 300.000.000 \text{ đồng}$ .

+ Số tiền phảiát chậm tiến độ từ ngày 61:  $30\% \times 110.960.883.000 \text{ đồng} = 33.288.264.900 \text{ đồng}$ .

### ***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày***

1. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu N là bà Trần Thị N trình bày:

Bà Nguyệt có mua lô đất A1-01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Nguyệt.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Quang S trình bày:

Bà T có mua các lô đất A1-01; A9 -40; A9 - 41 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề

ngợi Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*3. Bà Võ Thị M trình bày :*

Bà M có mua lô đất A1-03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*4. Ông Nguyễn X H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A1-04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*5. Bà Đặng Thị T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A1-05 do Công ty N môi giới và đã đóng 85% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*6. Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Bà Thuận có mua lô đất A1-06; A1 - 07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*7. Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L là ông Đình T trình bày*

:

Bà L có mua lô đất A1-08 do Công ty N môi giới và đã đóng 83% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*8. Ông Nguyễn Đăng T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A1-09 do Công ty N môi giới và đã đóng 83% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*9. Bà Lê Thị Thanh Đ trình bày :*

Bà Đ có mua lô đất A1- 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

10. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh H là ông Đinh T trình bày :

Bà H có mua lô đất A1- 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà H.

11. Bà Nguyễn Thị H T trình bày :

Bà T có mua lô đất A1- 12 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

12. Ông Nguyễn Duy Đ trình bày:

Ông Đ có mua lô đất A1- 13 do Công ty N môi giới và đã đóng 60% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

13. Ông Ngô Đình Q trình bày :

Ông Q có mua lô đất A1- 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

14. Bà Dữ Thị Minh H trình bày :

Bà H có mua lô đất A2- 01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

15. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim T là ông Huỳnh N T trình bày:

Bà T có mua lô đất A2- 02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà T.

16. Bà Đào Thu P trình bày :

Bà P có mua lô đất A2- 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

17. Bà Lê N A trình bày :

Bà A có mua lô đất A2- 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*18. Ông Nguyễn V C trình bày :*

Ông C có mua lô đất A2- 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*19. Ông Nguyễn Hữu Nghĩa trình bày:*

Ông N có mua lô đất A2- 06; A2 -07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*20. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn X A trình bày :*

Bà H có mua lô đất A2- 08 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà H.

*21. Bà Đặng Hồ Hiền T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A2- 09 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*22. Bà Phạm C trình bày :*

Bà C có mua lô đất A2- 10; A5 - 27 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*23. Ông Nguyễn Hữu Đ :*

Ông Đ có mua lô đất A2- 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*24. Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ V D là ông Phạm N P trình bày :*

Ông D có mua lô đất A2- 12 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông D.

25. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ H Nguyễn là ông Phạm N P trình bày :*

Ông Đ có mua lô đất A2- 13 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông P.

26. *Ông Nguyễn Quang L trình bày :*

Ông L có mua lô đất A2- 14 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

27. *Bà Đào Thu P trình bày :*

Bà Cẩm có mua lô đất A2- 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

28. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê V L là bà Trần Thị L trình bày :*

Ông L có mua lô đất A2- 16 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông L.

29. *Bà Nguyễn Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A2- 17 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

30. *Bà Nguyễn Thị Tiến trình bày :*

Bà Tiến có mua lô đất A2- 18 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

31. *Ông Trần N V trình bày :*

Ông V có mua lô đất A2- 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét

theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*32. Ông Đoàn V H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A2- 20 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*33. Trần Thị Yến L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A3- 01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*34. Ông Võ V C trình bày :*

Ông C có mua lô đất A3- 02; A3 - 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*35. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ P, ông Trần Kim L trình bày:*

Bà P có mua lô đất A3 - 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*36. Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A3- 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*37. Nguyễn Thị Như T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A3- 06 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*38. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Trần Duy T trình bày:*

Bà N có mua lô đất A3- 07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét

theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*39. H Thị P P trình bày :*

Bà P có mua lô đất A3- 08 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*40. Ông Nguyễn H N trình bày :*

Ông N có mua lô đất A3- 09 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*41. Nguyễn Thị Thanh N trình bày :*

Bà N có mua lô đất A3- 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*42. Ông Hồ Việt Đ trình bày :*

Ông Đ có mua lô đất A3- 11; A3 – 12; A3 -13 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*43. Phảiian Thị P trình bày :*

Bà P có mua lô đất A3- 14 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*44. Đại diện theo ủy quyền của ông Mai Đ C, ông Phảiiam N P trình bày :*

Ông C có mua lô đất A3- 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*45. Bà Trần Thị Kim L trình bày :*

Bà P có mua lô đất A3- 16; A3 – 17; A6 -57; A6 – 58; A6 -59 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*46. Ông Hồ Sĩ H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A4- 01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

47. Bà Tăng Thị L V trình bày :

Bà P có mua lô đất A4 - 02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

48. Ông Võ THành N trình bày :

Ông Nghĩa có mua lô đất A4- 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

49. Ông Nguyễn V Đ trình bày :

Ông Đ có mua lô đất A4- 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 80.01% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

50. Ông Đặng X Đ trình bày :

Ông Đ có mua lô đất A4- 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

51. Đại diện theo ủy quyền của Bà Trịnh Thị P N, ông Nguyễn Bá N trình bày : Bà N có mua lô đất A4 - 06 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà N.

52. Bà Nguyễn Thị G trình bày :

Bà G có mua lô đất A4 - 07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

53. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê H T, bà Pháian Thị H trình bày :

Ông T có mua lô đất A4- 08 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét

theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông T.

*54. Ông Phảiiam X Q trình bày :*

Ông Q có mua lô đất A4- 09; A4 -10; A4 – 11; A4 -12 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*55. Ông Vũ Hữu Minh Tính trình bày :*

Ông Tính có mua lô đất A4 - 13 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*56. Ông Hồ Sĩ H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A4 - 14 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*57. Đại diện theo ủy quyền của ông Ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị L A trình bày :*

Ông T có mua lô đất A4 - 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông T.

*58. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công S, bà Nguyễn Thị L A trình bày :*

Ông Sáu có mua lô đất A4 - 16 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông S.

*59. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phảiwóc L, bà Phảiiam Thị L trình bày :*

Ông Ly có mua lô đất A4 - 17 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*60. Ông Nguyễn Duy H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A4 - 18 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*61. Ông Trần Việt T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A4 - 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*62. Bà Trần Thị Thi trình bày :*

Bà Thi có mua lô đất A4 - 20 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*63. Đại diện theo ủy quyền của ông Lê N H, ông Lê N T trình bày:*

Ông H có mua lô đất A4 - 21 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông H.

*64. Ông Nguyễn L trình bày :*

Ông L có mua lô đất A4 - 22 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*65. Ông Nguyễn V Chung trình bày :*

Ông Chung có mua lô đất A4 - 23 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*66. Bà Lưu Thị Kim L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A4 - 24 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*67. Ông Nguyễn Phảiước Lg trình bày :*

Ông Lg có mua lô đất A4 – 25; A6 – 26; A4 -27; A6 -07; A6 -08; A6 -06 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

68. Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đặng H Nhân trình bày :

Bà H có mua lô đất A4 - 28 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà H.

69. Ông Nguyễn H trình bày :

Ông H có mua lô đất A4 – 29 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

70. Bà Đỗ Thị H trình bày :

Bà H có mua lô đất A4 - 30 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

71. Bà Lương Thị Thanh T trình bày :

Bà T có mua lô đất A4 - 31 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

72. Bà Đào Bích N trình bày :

Bà N có mua lô đất A4 - 32 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

73. Ông Lê Phảiú H trình bày :

Ông H có mua lô đất A4 – 33 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

74. Ông Trần Quốc D trình bày :

Ông D có mua lô đất A4 – 34 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

75. Bà Lê Thị T trình bày :

Bà T có mua lô đất A4 - 35 do Công ty N môi giới và đã đóng 95.04% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*76. Người đại diện cho ông Lê V T, bà Pháian Thị H trình bày :*

Ông T có mua lô đất A4 – 36 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông T.

*77. Ông Nguyễn V B trình bày :*

Ông B có mua lô đất A4 – 37 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*78. Bà D Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A4 - 38 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*79. Ông Nguyễn V D trình bày :*

Ông D có mua lô đất A4 – 39 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*80. Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích V, ông Nguyễn P trình bày :*

Bà V có mua lô đất A4 - 40 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà V.

*81. Bà TN Chi trình bày :*

Bà Chi có mua lô đất A4 - 41 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*82. Ông Nguyễn Đăng S trình bày :*

Ông S có mua lô đất A4 – 42 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

83. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V Tiềng, bà Lê Nguyễn Phải* ước D trình bày :

Ông Tiềng có mua lô đất A4 – 43 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Tiềng.

84. *Ông Trần Quốc Hn* trình bày :

Ông Hn có mua lô đất A4 – 44 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

85. *Bà Huỳnh Quế V* trình bày :

Bà V có mua lô đất A4 - 45 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

86. *Bà Lê Thị L* trình bày :

Bà L có mua các lô đất A4 – 46; A4 – 47; A4 – 52; A4 – 53; A4 – 54; A4 – 55; A4 - 56 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

87. *Ông Lê N S* trình bày :

Ông S có mua lô đất A4 – 48; A4 - 49 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

88. *Bà Nguyễn Thị Ánh Swong* trình bày :

Bà Swong có mua lô đất A4 - 50 do Công ty N môi giới và đã đóng 95.01% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

89. *Ông Nguyễn Phải* ước Khánh T trình bày :

Ông T có mua lô đất A4 – 51 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*90. Ông Lương V T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A4 – 57 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*91. Bà Huỳnh Thị Thu L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A4 - 58 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*92. Ông Trần N T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A4 – 59 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*93. Người đại diện theo ủy quyền của Bà Võ Thị Kim T, ông Nguyễn Quang S trình bày:*

Bà T có mua các lô đất A4 – 60; A4 – 61; A4 – 62; A4 – 63; A4 - 64 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà T.

*94. Bà Trần Thị Kim T trình bày :*

Bà T có mua các lô đất A5 – 01; A5 -02; A5 – 57; A5- 58; A8 -06; A8 -07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*95. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế K, ông Đình T trình bày :*

Ông K có mua lô đất A5 – 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông K.

*96. Ông Tăng Lê T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A5 – 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*97. Bà Huỳnh Thị Thu L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A4 - 58 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*97. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Nguyễn Phải ước B, bà Lê Nguyễn Phải ước D trình bày:*

Ông B có mua các lô đất A5 -04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông B.

*98. Người đại diện theo ủy quyền cho ông H V T, bà Phải an Thị H trình bày :*

Ông T có mua lô đất A5 – 06 do Công ty N môi giới và đã đóng 95.35% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông T.

*99. Người đại diện của ông H V L, bà Trương Thị X trình bày*

Ông L có mua lô đất A5 – 07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*100. Bà Nguyễn Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A5 - 08 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*101. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công H, ông Đình T trình bày:*

Ông H có mua lô đất A5 – 09 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Huế.

*102. Bà Hồ Thị Lê T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A5 - 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*103. Ông Nguyễn N H Khiêm trình bày :*

Ông Khiêm có mua lô đất A5 – 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*104. Bà Nguyễn Thị T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A5 – 12; A5 -13 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*105. Ông Nguyễn Bá N trình bày :*

Ông N có mua hai lô đất A5 – 14; A8 -13 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*106. Ông Lê Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T T trình bày:*

Ông bà có mua hai lô đất A5 – 15; A8 -16 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông bà.

*107. Đại diện theo ủy quyền của ông Chu Đại P, ông Phạm N P trình bày :*

Ông P có mua lô đất A5 – 17 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông P.

*108. Ông Nguyễn Bá T trình bày :*

Ông T có mua các lô đất A5 – 18; A6 -26; A6 -27 do Công ty N môi giới và đã đóng 80.08% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*109. Người đại diện theo ủy quyền của Bà Đậu Thị Công, ông Nguyễn Quang S trình bày:*

Bà Công có mua lô đất A5 - 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*110. Ông Phạm N P trình bày :*

Ông P có mua lô đất A5 – 20 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*111. Ông H Quốc V trình bày :*

Ông V có mua các lô đất A5 – 21; A5 - 22 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*112. Bà Pháian Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A5 – 23 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*113. Ông Hồ Vương Quốc trình bày :*

Ông Quốc có mua lô đất A5 – 24 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*114. Ông H Đình P trình bày :*

Ông P có mua lô đất A5 – 25 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*115. Ông D V Phảiúic trình bày :*

Ông Phảiúic có mua lô đất A5 – 26 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*116. Ông Bùi T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A5 – 28 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*117. Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Đ L, ông Vũ V trình bày:*

Ông L có mua lô đất A5 – 29 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông L.

*118. Ông Bùi Quang T trình bày :*

Ông T có mua các lô đất A5 – 30; A5 - 31 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*119. Ông Nguyễn Đ H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A5 – 32 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*120. Bà Trịnh Thị X L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A5 – 33 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*121. Ông Trần Đình Tiên trình bày :*

Ông Tiên có mua lô đất A5 – 34 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*122. Bà Lê Thị Kim Bích trình bày :*

Bà Bích có mua lô đất A5 – 35 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*123. Người đại diện theo ủy quyền của bà Pháian Thị TH, ông Đình T trình bày:*

Bà TH có mua lô đất A5 – 36 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà TH.

*124. Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Viết Lực, ông Pháiam N P trình bày*

:

Ông Lực có mua lô đất A5 – 37 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án

xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lục.

*125. Bà Nguyễn Thị Bích P trình bày :*

Bà TH có mua lô đất A5 – 38 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*126. Bà Pháian Thị L Anh trình bày :*

Bà TH có mua lô đất A5 – 39 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*127. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Cảnh, ông Đinh T trình bày*

Bà Cảnh có mua lô đất A5 – 40 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Cảnh.

*128. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G, ông Lương V trình bày :*

Bà G có mua lô đất A5 – 41 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Giao.

*129. Bà Châu Thị L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A5 – 42 do Công ty N môi giới và đã đóng 80.01% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*130. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Quang S trình bày:*

Bà P có mua lô đất A5 – 43 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà P

*131. Ông Nguyễn V H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A5 – 44 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*132. Ông Nguyễn Thanh C trình bày :*

Ông C có mua lô đất A5 – 45 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*133. Ông Đỗ V T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A5 – 46 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*134. Ông Lê Nguyễn H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A5 – 47 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*135. Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Ái N trình bày :*

Bà Kim A có mua lô đất A5 – 48 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà A.

*136. Bà H Thị Ánh H trình bày :*

Bà H có mua các lô đất A5 – 49; A5 - 50 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*137. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T B, bà Lê Nguyễn Phải ước D trình bày :*

Ông B có mua các lô đất A5 – 51; A6 - 42 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Bích.

*138. Bà Lê Thị Quỳnh L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A5 - 52 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét

theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*139. Bà Đặng Thị Bích Thuận trình bày :*

Bà Thuận có mua lô đất A5 - 53 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*140. Ông Mai X D trình bày :*

Ông D có mua lô đất A5 – 54 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*141. Bà PHải Thị H N trình bày :*

Bà N có mua lô đất A5 - 55 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*142. Ông Lê Anh KH trình bày :*

Ông KH có mua lô đất A5 – 56 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*143. Ông Phảiiam Tuấn trình bày :*

Ông KH có mua lô đất A5 – 59 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*144. Bà Nguyễn Thị N An trình bày :*

Bà An có mua lô đất A5 - 60 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*145. Ông Nguyễn V T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A5 – 61 do Công ty N môi giới và đã đóng 80 % giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*146. Bà Nguyễn Thu T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A5 - 62 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*147. Ông Pháiian H H trình bày :*

Ông H có mua các lô đất A5 – 63; A5 -64 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*148. Bà Đoàn Thị Kim H trình bày :*

Bà H có mua các lô đất A6 – 01; A6 -02 do Công ty N môi giới và đã đóng 80 % giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*149. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T, ông Đình T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A6 – 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà T.

*150. Ông Pháiian Tăng Q trình bày :*

Ông Q có mua lô đất A6 – 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*151. Bà Nguyễn Thị Diệu M trình bày :*

Bà M có mua lô đất A6 – 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*152. Ông Lê Trọng Dân trình bày :*

Ông Dân có mua lô đất A6 – 06 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*153. Ông Đỗ Đ Hữu trình bày :*

Ông Hữu có mua lô đất A6 – 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án

xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*154. Bà Trần Thị Kim B trình bày :*

Bà B có mua lô đất A6 – 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*155. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hiếu D, ông Đinh T trình bày:*

Ông D có mua lô đất A6 – 12 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Diện.

*156. Ông Nguyễn V D trình bày :*

Ông D có mua lô đất A6 – 13 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*157. Bà Lê Thị Thu trình bày :*

Bà Thu có mua lô đất A6 – 14 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*158. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V Thu trình bày, ông Nguyễn H S trình bày :*

Ông Thu có mua lô đất A6 – 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*159. Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A6 – 16 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*160. Bà Nguyễn Thị Vui trình bày :*

Bà Vui có mua các lô đất A6 – 17; A6 -18; A9 -17 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề

ngợi Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*161. Bà Đoàn Thị M trình bày :*

Bà M có mua lô đất A6 – 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*162. Bà Huỳnh Thị P Uyên trình bày :*

Bà Uyên có mua lô đất A6 – 20 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*163. Ông Nguyễn V N trình bày :*

Ông N có mua lô đất A6 – 21 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*164. Ông Đặng Thanh A trình bày :*

Ông A có mua lô đất A6 – 22 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*165. Ông Nguyễn V Đ trình bày :*

Ông Đ có mua lô đất A6 – 23 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*166. Bà Nguyễn Thị S trình bày :*

Bà S có mua lô đất A6 – 24 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*167. Ông Nguyễn Đình N trình bày :*

Ông N có mua lô đất A6 – 25 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*168. Bà Phạm Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A6 – 28 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*169. Bà Nguyễn Thị Tiến trình bày :*

Bà Tiến có mua lô đất A6 – 29 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*170. Bà Lê Thị Diệu L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A6 – 30 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*171. Bà Lưu Kim N trình bày :*

Bà N có mua lô đất A6 – 31 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*172. Ông Bùi N V trình bày :*

Ông V có mua lô đất A6 – 32 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*173. Bà Trần Thị P trình bày :*

Bà P có mua lô đất A6 – 33 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*174. Ông Hồ V Diện trình bày :*

Ông Diện có mua lô đất A6 – 34 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*175. Ông Cao V Đ trình bày :*

Ông Đ có mua lô đất A6 – 35 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*176. Ông Phảiiam Tiến T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A6 – 36 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*177. Ông Võ V T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A6 – 37 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*178. Ông Trần Đình S trình bày :*

Ông S có mua lô đất A6 – 38 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*179. Bà Trương Thị Thúy H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A6 – 39; A6 - 40 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*180. Ông Phảiiam H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A6 – 41 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*181. Ông Lê Quốc D trình bày :*

Ông D có mua lô đất A6 – 43 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*182. Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A6 - 44 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*183. Bà Nguyễn Bích T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A6 - 45 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*184. Ông Nguyễn Đình T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A6 – 46 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*185. Bà Vũ Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A6 - 47 do Công ty N môi giới và đã đóng 80 % giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*186. Bà Phạm Thị Thu T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A6 - 48 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*187. Ông Doãn Bá Đ trình bày :*

Ông Đ có mua lô đất A6 – 49 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*188. Bà Nguyễn Thị C trình bày :*

Bà C có mua lô đất A6 - 50 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*189. Bà Đoàn Thị Ngân H trình bày :*

Bà H có mua các lô đất A6 – 51; A6 – 52 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*190. Ông Đỗ Minh T trình bày :*

Ông T có mua các lô đất A6 – 53; A6 -54 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị

Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*191. Bà Nguyễn Thị H P trình bày :*

Bà P có mua các lô đất A6 – 55 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*192. Bà Trần Nguyễn Tường L trình bày :*

Bà L có mua các lô đất A6 – 56 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*193. Ông Thái V Ngộ trình bày :*

Ông Ngộ có mua các lô đất A7 -01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*194. Bà Lê Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A7 - 02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*195. Bà Trần Thị Diệu P trình bày :*

Bà P có mua lô đất A7 - 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*196. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lại Thị Công, ông Nguyễn Quang S trình bày :*

Bà Công có mua lô đất A7 - 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*197. Bà Phạm Thị Hương trình bày :*

Bà Hương có mua lô đất A7 - 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 85% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

198. Ông Lại Năng T trình bày :

Ông T có mua lô đất A7 -06; A7 -07 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

199. Ông Đình T trình bày :

Ông Tư có mua các lô đất A7 -08; A7 -09; A7 -10 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

200. Ông Nguyễn Đ K và bà Nguyễn Việt H P trình bày :

Ông K và bà P có mua các lô đất A7 -11; A7 -12; A7 -13 do Công ty N môi giới và đã đóng 85% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông bà.

201. Ông Trần X Quang trình bày :

Ông Quang có mua các lô đất A7 -14; A7 -15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

202. Bà Trần Thị P T trình bày :

Bà T có mua các lô đất A7 -16; A7 -17 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

203. Ông Trần Đăng C trình bày :

Ông C có mua lô đất A7 -18 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

204. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê V N, ông Đình T trình bày :

Ông N có mua lô đất A8 -01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông N.

205. Ông Nguyễn X T trình bày :

Ông T có mua lô đất A8 -02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*206. Ông Sỳ Ly Sáng trình bày :*

Ông Sáng có mua lô đất A8 - 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*207. Ông Phảiiam T trình bày :*

Ông T có mua các lô đất A8 – 04; A8 – 05; B1 -01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*208. Ông Đỗ Anh T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A8 – 08; A8 -09 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*209. Bà Trần Thị Tiền trình bày :*

Bà Tiền có mua lô đất A8 – 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*210. Bà Nguyễn N P Chi trình bày :*

Bà Chi có mua lô đất A8 – 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*211. Ông PHẢI Thanh T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A8 - 12 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*212. Bà H Thị Cam trình bày :*

Bà Cam có mua lô đất A8 – 14 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*213. Đại diện theo ủy của ông Nguyễn Tăng C, bà H Thị Cam trình bày :*

Ông C có mua lô đất A8 - 15 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông C.

*214. Bà Nguyễn Thị Lg trình bày :*

Bà Lg có mua lô đất A8 – 16 do Công ty N môi giới và đã đóng 85% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*215. Ông Bùi Minh Trục trình bày :*

Ông Trục có mua các lô đất A8 – 17; A8-18 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*216. Ông Nguyễn Kim N H trình bày :*

Ông H có mua các lô đất A8 – 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*217. Bà Trần Thị Thu trình bày :*

Bà Thu có mua lô đất A9 – 01 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*218. Ông Mai Tấn Phảiát trình bày :*

Ông Phảiát có mua lô đất A9 – 02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*219. Bà Lê Thị X P trình bày :*

Bà P có mua lô đất A9 – 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*220. Bà Nguyễn Thị H A trình bày :*

Bà H A có mua lô đất A9 – 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem

xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*221. Ông Đặng Đình Ba trình bày :*

Ông Ba có mua lô đất A9 – 05 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*222. Đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Công KH, bà Đỗ Thị H trình bày:*

Ông KH có mua các lô đất A9 – 06 do Công ty N môi giới và đã đóng 70.06% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông KH.

*223. Bà H Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 07 do Công ty N môi giới và đã đóng 60% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*224. Bà Triệu Trần Quế C trình bày :*

Bà C có mua lô đất A9 – 08 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*225. Ông Nguyễn Trọng T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A9 – 09 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*226. Ông Cao Thế Trễ trình bày :*

Ông Trễ có mua các lô đất A9 – 10 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*227. Ông Nguyễn Quốc T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A9 – 11 do Công ty N môi giới và đã đóng 65% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*228. Ông Nguyễn V Mạnh trình bày :*

Ông Mạnh có mua các lô đất A9 – 12; A9 -15; A9 -16 do Công ty N môi giới và đã đóng 80% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*229. Ông Nguyễn Đình M trình bày :*

Ông M có mua các lô đất A9 – 13; A9 -14 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*230. Ông Lê H L trình bày :*

Ông L có mua lô đất A9 – 18 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*231. Ông Pháiian X R trình bày :*

Ông R có mua lô đất A9 – 19 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*232. Ông Trần V V trình bày :*

Ông V có mua lô đất A9 – 20 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*233. Ông Nguyễn D trình bày :*

Ông D có mua các lô đất A9 – 21 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*234. Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 22 do Công ty N môi giới và đã đóng 70% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*235. Ông Trần Quốc Bảo trình bày :*

Ông Bảo có mua các lô đất A9 – 23 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án

xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*236. Bà Cái Phải am N T trình bày :*

Bà T có mua lô đất A9 – 24 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*237. Ông Đỗ Minh T trình bày :*

Ông T có mua lô đất A9 – 25 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*238. Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 26 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*239. Bà Nguyễn Thị Thái H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 27 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*240. Ông Mai V H trình bày :*

Ông H có mua lô đất A9 – 28 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*241. Ông Huỳnh Viết Duy trình bày :*

Ông Duy có mua các lô đất A9 – 29; A9 -30 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*242. Ông Nguyễn Thành T trình bày :*

Ông T có mua các lô đất A9 – 31 do Công ty N môi giới và đã đóng 60% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*243. Bà Lê L H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 32 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*244. Ông Ngô V Chiến trình bày :*

Ông Chiến có mua các lô đất A9 – 33 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*245. Bà Nguyễn Thị Thu trình bày :*

Bà Thu có mua lô đất A9 – 34 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*246. Ông Nguyễn H C trình bày :*

Ông C có mua các lô đất A9 – 35 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*247. Bà Võ Thị Đến trình bày :*

Bà Đến có mua lô đất A9 – 36 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*248. Ông Nguyễn V Danh trình bày :*

Ông Danh có mua các lô đất A9 – 37 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*249. Ông Nguyễn Công văn trình bày :*

Ông V có mua các lô đất A9 – 38 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*250. Bà Nguyễn Thị H trình bày :*

Bà H có mua lô đất A9 – 39 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét

theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*251. Bà Phải Am Thị L trình bày :*

Bà L có mua lô đất A9 – 42 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

*252. Ông Lê Thế Hưởng trình bày :*

Ông Hưởng có mua các lô đất A9 – 43 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*253. Ông Nguyễn Duy H trình bày :*

Ông H có mua các lô đất A9 – 44 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*254. Ông Mai V D trình bày :*

Ông D có mua các lô đất A9 – 45 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*255. Ông Châu P trình bày :*

Ông P có mua các lô đất B1- 02 do Công ty N môi giới và đã đóng 95% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*256. Ông Trần Thanh H trình bày :*

Ông H có mua các lô đất B1- 03 do Công ty N môi giới và đã đóng 60% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông.

*257. Huỳnh Thị Bạch T trình bày :*

Bà T có mua lô đất B1 – 04 do Công ty N môi giới và đã đóng 60% giá trị lô đất. Về tranh chấp giữa 02 Công ty, bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định phải áp luật và buộc 02 Công ty sớm hoàn tất dự án để giao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà.

258. Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của bà Hồ Thị T trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2018, thông qua P tiện thông T đại chúng, bà Hồ Thị T được biết Công ty Cổ phần Đầu tư N đang mở bán đất nền Dự án “ H” tại Đ thị mới Điện N- Đ.N, phường Đ.N, thị xã Đ,tỉnh Q do Công ty Cổ phần Đầu tư B làm Chủ đầu tư. Theo hướng dẫn của nhân viên Công ty N để được mua nền đất Lô A1-14 Block A1, diện tích 137,5m2 thuộc trục đường 33m của Dự án này, trước hết vào ngày 30/3/2017 bà Hồ Thị T đã ký Phái biểu đặt cọc và đặt cọc cho bà Lê Thị Thu số tiền 100.000.000 đồng. Tiếp đó, ngày 12/4/2018, tại V phường Công ty N, giữa bà Hồ Thị T và Công ty N ký Phái biểu đăng ký mua sản phẩm số A114NN/PĐKTHR-KĐTHR/2018 theo đó bà T nhận chuyển giao và chính T thay thế bà Lê Thị Thu để trở thành bên mua lô đất này từ Công ty N. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, Công ty N thông báo với bà Hồ Thị T đã nhận ủy quyền trực tiếp từ Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần B được quyền trực tiếp ký các V bản giao dịch mua bán và nhận tiền của khách Hng. Như vậy, mặc dù theo Phái biểu đăng ký thì giá trị lô đất là 1.129.5000.000 đồng nhưng thực chất bà T đã bỏ ra tổng số tiền lên đến 1.438.500.000 đồng để mua được lô đất này theo nội dung Phái biểu đặt cọc ngày 30/3/2018.

Tính đến thời điểm hiện tại, ngoài phải lãi chênh lệch đã thanh toán cho bà Lê Thị Thu là 309.000.000 đồng, bà T đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn đến 85% giá trị lô đất tương ứng 960.075.000 đồng theo từng đợt thanh toán đúng thỏa thuận của các bên vào các ngày 12/4/2018 (2 đợt), ngày 04/7/2018 và ngày 24/9/2018. T bộ số tiền này đều được đóng trực tiếp tại Công ty N và đều được Công ty N xuất Phái biểu thu các nhận. Riêng đối với thanh toán đợt 5 do phải phát hiện thấy các rủi ro pháp lý của Dự án cũng như có vấn đề tranh chấp giữa Chủ đầu tư Dự án và Công ty N nên bà T đã tạm dừng đợt thanh toán. Việc tạm ngưng thanh toán đã được Công ty N xác nhận đồng ý, không áp dụng các điều khoản xử lý vi phạm theo Phái biểu đăng ký mua đã ký kết ngày 12.4.2018.

Tại thời điểm Công ty N bán đất cho bà T, Lô A1-14 Block A1 và Dự án “ H” không đủ điều kiện pháp lý để được pháp lý kinh doanh; Dự án chưa đủ điều kiện để mở bán, chưa được pháp lý huy động vốn. Đối với Dự án “ H” mà bà T đã mua lô đất Lô A1-14 Block A1 lại chưa được bán khi chưa đáp ứng các điều kiện hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu, Chủ đầu tư chưa được thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền sử dụng đất, chưa có Biên bản bàn giao mốc giới đất của cơ quan NH nước có thẩm quyền, Sở Xây dựng tỉnh Q chưa có V bản thông báo đủ điều kiện để huy động vốn hay Dự án đủ điều kiện để được bán... Và thực tế bà T đã thanh toán cho Công ty N từ lần đầu đến 50% giá trị lô đất và đến nay đã thanh toán đến 85% giá trị lô đất dù Chủ đầu tư, Công ty N nhận T rất rõ vấn đề này, biết rõ được Dự án không điều

kiện nhưng cố ý thực hiện. Tuy nhiên để thể hiện thiện chí của mình, bà T chỉ yêu cầu Công ty N bồi thường với mức bồi thường chỉ bằng ½ mức bồi thường phải áp luật đã quy định.

Nay trong vụ án này, bà T có yêu cầu : Tuyên bố giao dịch mua bán theo Phải điều đăng ký mua sản phẩm số A114-NN/PĐKMSP-KĐTHR/2018 ký ngày 12/4/2018 giữa bà Hồ Thị T và Công ty Cổ phần Đầu tư N vô hiệu do vi phạm điều cấm phải áp luật. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư N hoàn trả số tiền 960.075.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty N có trách thanh toán là 2.460.075.000 đồng.

*259. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Q và Sở Xây dựng trình bày :*

Đối với dự án H thuộc khu Đ thị Điện N, Đ.N, thị xã Đ, tỉnh Q thì chủ đầu tư là Công ty B. Theo quy định, sau khi hoàn thành cơ sở hạ tầng và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thì mới được chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau khi được quy hoạch 1/500 thì chủ đầu tư đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất cho người dân. Hiện nay đối với dự án H, UBND tỉnh Q tiếp tục giao cho Công ty B đang hoàn thành thủ tục để được chấp thuận chủ trương đầu tư và sẽ tiếp tục thực hiện dự án, các thủ tục phải áp lý để ra sổ, bàn giao đất theo quy định. Việc thực hiện dự án nhanh hay chậm phải thuộc vào trách Nhiệm của chủ đầu tư.

*260. Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày :*

Đề nghị Công ty B và N nên có thỏa thuận với nhau, thống nhất P án cụ thể để Công ty B sớm hoàn thành dự án, gửi hồ sơ cho lấy ý kiến của Sở xây dựng về tiến độ hoàn thành dự án đảm bảo đúng quy định. Sau khi có đầy đủ tài liệu cần thiết thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty B, trên cơ sở đó Công ty có nghĩa vụ chỉnh lý biến động và S tên cho từng người dân. Hiện nay, UBND tỉnh đã có chỉ đạo cho các ngành liên quan hỗ trợ cho Công ty B để hoàn chỉnh thủ tục phải áp lý của dự án theo đúng quy định để trình UBND tỉnh phải duyệt chủ trương đầu tư. Sau đó, Hội đồng định giá đất của tỉnh sẽ họp và trình HĐND tỉnh Q Quyết định đơn giá đất.

*260. Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ, tỉnh Q vắng mặt trong suốt quá trình giải Q vụ án.*

Tại Phải tòa, Kiểm sát viên phải biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phải án, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng phải áp luật tố tụng.

Về nội D vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên

đề nghị Hội đồng xét xử bác T bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng môi giới đất nền số 01/2017 – SĐBS ngày 24/07/2017 giữa Công ty Cổ phần B và Công ty N. Buộc Công ty B tiếp tục thực hiện hợp đồng môi giới và biên bản thỏa thuận ngày 23/5/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phái viên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phái viên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đ; Sau khi T luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thụ lý vụ án:

Do địa chỉ của bị đơn là Công ty N có Trụ sở tại Số 29 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường H.N, quận H, thành phố Đ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải Q vụ án có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến Hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về mở Phái viên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Phái viên H giải: Căn cứ các điều, khoản của Hợp đồng đặt cọc môi giới đất nền số 01/2017 – SĐBS ngày 24/07/2017 giữa Công ty Cổ phần B và Công ty N; Căn cứ nội D khởi kiện của Công ty B và yêu cầu phải trả tố của Công ty N thì việc tranh chấp giữa hai Công ty liên quan đến những người nhận chuyển nhượng các lô đất và những người nhận chuyển nhượng đất không có liên quan gì đến nhau. Theo đề nghị của Công ty Cổ phần B và Công ty N, Tòa án đã tiến Hành mở Nêu Phái viên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Phái viên H giải giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần B với bị đơn là Công ty N những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo từng Block là nhằm đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội D vụ án :

[2.1] Ngày 10/7/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã có Quyết định số 2450/QĐ – UBND về việc chuyển Nệm vụ chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh Q của Công ty TNHH Sản xuất và TH mại Bách Đ cho Công ty Cổ phần B thì qua đó Công ty Cổ phần B là đơn vị được UBND tỉnh Q giao đầu tư dự án Khu Đ thị H ( tên gọi cũ là Khu Đ thị PEACEFUL LD ). Ngày 24/5/2017 UBND tỉnh Q có Quyết định số 1822/QĐ – UBND về việc phải duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết sử dụng đất (1/500) Khu Đ thị H tại Khu Đ thị mới Điện N – Đ.N có tổng diện tích là 182.589,9 m<sup>2</sup>.

Trên cơ sở đó ngày ngày 24/07/2017 Công ty Cổ phần B ( sau đây gọi tắt Công ty B) và Công ty Cổ phần Dịch vụ bất động sản N, sau đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư N (sau đây gọi tắt là Công ty N) ký Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc và phân phối nền dự án H số 01/2017 –SDBS ( gọi tắt là Hợp đồng số 01). Theo đó Công ty B giao cho Công ty N môi giới bán 326 lô đất nền ở Khu Đ thị Khu Đ thị H tại Khu Đ thị mới Điện N – Đ.N. Xem xét T bộ các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy bản chất đây là Hợp đồng môi giới đất nền chứ không phải thỏa thuận đặt cọc và phân phối nền như tên gọi của Hợp đồng số 01.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc yêu cầu: Chấm dứt hợp đồng số 01/2017 –SDBS ngày 24/7/2017 và các phụ lục đính kèm đã ký; Thu hồi lại T bộ các lô đất theo hợp đồng 01/2017 – SDBS ngày 24/7/2017 và bồi thường 10% giá trị hợp đồng do việc vi phạm dẫn đến bị chấm dứt hợp đồng đối với Công ty N. Với lý do: Sau khi ký kết hợp đồng Công ty B chưa có giấy ủy quyền cho Công ty N và các lô đất mà Công ty B giao cho Công ty N chưa xác định vị T, số L lô, diện tích của mỗi lô nhưng Công ty N đã tổ chức rao bán các lô đất tại dự án Khu Đ thị H là vượt quá thẩm quyền, thu tiền khách Hng vượt quá quy định khi chưa có V bản ủy quyền của chủ đầu tư không tuân thủ theo các điều khoản trong hợp đồng số 01.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng số 01 quy định : “ Ngay sau khi ký Hợp đồng này, BÊN B có quyền chỉ định các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sở hữu bất động sản tại Việt N ( sau đây gọi tắt là Bên Thứ 3 ) ký Hợp đồng đặt cọc /nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong phạm vi các Lô đất mà Bên B đã đặt cọc mua để phân phối của Bên A tại Điều 1 của Hợp đồng này. Bên A không được phép từ chối ký kết Hợp đồng đặt cọc/chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Bên Thứ Ba. Quyền và nghĩa vụ của Bên Thứ Ba quy định trong hợp đồng đặt cọc/nhận chuyển quyền sử dụng đất sẽ kế thừa tương ứng các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo quy định tại hợp H đồng này và các quy định của pháp luật ” và theo quy định tại khoản 1.1 Điều 1 trong Hợp đồng thì : “ ... Bên A đồng ý cho Bên B đặt cọc và phân phối 326 ( Ba trăm hai mươi sáu ) lô đất nền thuộc Dự án ( sau đây gọi tắt là Lô đất ). Danh sách , vị T chi tiết của các Lô đất sẽ được các Bên thống nhất tại phụ lục đính kèm Hợp đồng này ... ”. Như vậy, theo quy định trong Hợp đồng thì Công ty N không cần thiết phải có V bản ủy quyền của Công ty B mới được rao bán các lô đất nói trên và Công ty N căn cứ vào danh mục các lô đất theo phụ lục đính kèm để làm cơ sở rao bán là phải hợp. Đối với danh sách người nhận chuyển nhượng thì qua quá trình giải Q vụ án và căn cứ vào tài liệu do các bên cung cấp, đối chiếu với T bộ danh sách địa chỉ, số lô, ký hiệu lô nhận chuyển nhượng của những người nhận chuyển nhượng phải hợp

với lời khai của những người nhận chuyển nhượng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cũng không thể hiện việc một lô đất được chuyển nhượng cùng lúc cho Nều người mà chỉ có việc chuyển tên từ ngày này S người khác.

Việc Công ty B cho rằng N đã vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng số 01 nhưng qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện vào các ngày : 24/7/2017; 23/8/2017; 22/11/2017; 09/02/2018; 06/03/2018, Công ty N đã chuyển cho Công ty Bách Đ Đ An số tiền tổng cộng 110.960.883.000đ chiếm tỉ lệ tương đương với 91% theo tổng giá trị ban đầu của Hợp đồng số 01 và tương đương 53% tổng giá trị đã được điều chỉnh theo phải lục hợp đồng số 1A. Xét thấy : Hợp đồng ký kết giữa hai bên là đúng với thỏa thuận. Việc Công ty B cho rằng Công ty N đã vi phạm hợp đồng nhưng Công ty B vẫn tiếp tục thực hiện các nội D đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Công ty B đưa ra lý do vào ngày 04/11/2017, Công ty N đã phảiát Hành giấy mời khách Hng để tổ chức mở bán các lô đất dự án khi chưa xin phảiép chủ đầu tư 7/11/2017 có Công văn số 38/2017/CV - BĐA ngày 7/11/2017 nghiêm cấm việc tổ chức mở bán và đã cảnh báo về việc làm sai trái này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng và vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, qua xem xét các điều khoản đã trong thỏa thuận trong Hợp đồng như đã viện dẫn nêu trên không thể hiện cụ thể nếu muốn mở bán và thu tiền của khách Hng từ 326 lô đất nền này thì cần có V bản ủy quyền riêng biệt khác của chủ đầu tư nên việc Công ty N căn cứ Hợp đồng và các phải lục hợp đồng kèm theo để mở bán là không vi phạm Hợp đồng số 01. Bên cạnh đó, dù đã có V bản không đồng ý việc mở bán các lô đất nền từ dự án này nhưng sau đó Công ty B vẫn tiếp tục nhận tiền từ Công ty N đã thu của khách Hng khi đặt mua các lô đất nền. Do vậy, lý do Công ty B cho rằng Công ty N mở bán những lô đất trên khi chưa có sự cho phảiép của chủ đầu tư không chính xác.

Đối với yêu cầu của Công ty B cho rằng Công ty N vi phạm Điều 4 và khoản 5.3 Điều 5 của Hợp đồng số 01. Hội đồng xét xử, xét thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng số 01, vào tháng 11/2017 Công ty N đã rao bán 286 lô đất, đến ngày 21/11/2017 Công ty N đã có Công văn số 77 nêu rõ số tiền đã thu được của 286 lô đất nêu trên. Tại thời điểm này, Công ty B đã biết được cụ thể số tiền công ty N đã thu của bên thứ 3 có tỉ lệ bao Nêu % so với giá trị của các lô đất nhưng Công ty B cho rằng đến thời điểm tháng 7/2018 mới biết được Công ty N đã thu số tiền vượt quá quy định trong hợp đồng là không chính xác. Mặt khác, đối với việc thu tiền của các khách Hng đăng ký đặt mua sản phảiảm. Tại Điều 4 của Hợp đồng có quy định về tiến độ thanh toán tiền của bên thứ ba nhưng chỉ là “*tạm đưa ra*” và có thể được điều chỉnh trên cơ sở P án kinh doanh của Công ty N. Hợp đồng cũng có quy định về việc thay đổi tiến độ sẽ được bên B gửi bằng V bản và được Bên A chấp nhận bằng V bản. Tuy nhiên, Hợp đồng lại không có quy định

cụ thể, chi tiết về nghĩa vụ phải thông báo của Công ty N hay quyền phải duyệt của Công ty B. Mặt khác, khoản 5.5 của Hợp đồng có quy định: “*Khi Bên B thu tiền thanh toán Đợt 1 của Bên thứ ba, Bên B ngoài việc thu hồi T bộ số tiền đặt cọc sẽ được thu hồi 100% tiền H H của Lô đất đó*”. Theo quy định này, Công ty N có quyền điều chỉnh việc thu tiền thanh toán của khách Hng nhằm đảm bảo thu hồi phải tiền đặt cọc cũng như H H. Thỏa thuận giữa Công ty N và khách Hng đặt mua thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận về tiến độ thanh toán và hoàn T không bị phải thuộc, chi phải bởi thỏa thuận giữa N và B.

Liên quan đến việc Công ty B đã đề cập rằng Công ty N đã vi phạm Hợp đồng vì nếu muốn thu tiền của khách Hng thì cần phải có giấy ủy quyền của Công ty N. Về vấn đề này, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh luận của các bên và theo Hợp đồng đã ký kết, có thể khẳng định việc Công ty B đã đồng thuận, thống nhất ủy quyền cho Công ty N phải phân phối sản phẩm đất nền tại Dự án H và thu tiền 100% của khách Hng, đó là :

+ Thứ nhất, theo Điều 5 của Hợp đồng số 01 thì Công ty N được thay mặt Công ty B thu tiền của khách Hng đến 100% đồng thời tại Điều này cũng ghi rõ nội D là “ *V bản ủy quyền này*”. Do đó, có thể hiểu Hợp đồng số 01 đồng thời là một V bản ủy quyền bằng V bản từ Công ty B cho Công ty N.

+ Thứ hai, việc ủy quyền nếu không bằng V bản đi nữa thì theo quy định tại Điều 142 Bộ luật dân sự 2015 thì Ny cả khi giao dịch dân sự không được ủy quyền bằng V bản, Tuy nhiên nếu người được đại diện đã công nhận giao dịch hoặc người đại diện biết mà không phải đối trong một thời gian hợp lý thì giao dịch đó vẫn được công nhận và có giá trị pháp lý để thực hiện. Điều này đã thể hiện từ khi tiến Hành công bố Dự án, giới thiệu đặt chỗ, ghi Phải đặt chỗ và hoạt động thu tiền của Công ty N đối với khách Hng, Công ty B hoàn T không phải đối và công nhận các giao dịch của Công ty N với khách Hng;

+ Thứ ba nữa là trên thực tế, sau khi Công ty N giao dịch phải phân phối sản phẩm đất nền cho khách Hng, thu tiền và chuyển cho công ty B số tiền 110.960.883.000đ . Số tiền này Công ty B biết rõ đây là nguồn tiền thu từ khách Hng nhưng không phải đối nên mặc Nên là đã công nhận giao dịch phải phân phối đất nền của Công ty B.

Do đó, ý kiến của Công ty B cho rằng Công ty N đã tự ý thực hiện việc phải phân phối sản phẩm đất nền từ Dự án H khi chưa được ủy quyền là không có cơ sở chấp nhận.

Về việc Công ty B cho rằng Công ty N không thực hiện cam kết sau khi thu tiền và chuyển danh sách khách Hng cho chủ đầu tư. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại Điều 7.2.9 của Hợp đồng số 01 thì Công ty B cam kết sẽ ký và bàn giao Hợp đồng giao dịch với bên thứ ba trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Công ty N gửi danh

sách bên thứ ba mua các lô đất và sau đó Công ty N đã thực hiện đúng thỏa thuận việc cung cấp danh sách khách Hng đăng ký mua 326 lô đất, số tiền đã thu, yêu cầu Công ty B đối chiếu số liệu tài chính. Tuy nhiên, kể từ thời điểm gửi danh sách khách Hng từ tháng 11/2017 cho đến nay Công ty B chưa có bất cứ phản hồi nào về danh sách các khách Hng mà Công ty N đã chuyển và cũng chưa có khách Hng nào được ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư B. Do vậy, việc công ty B cho rằng sau khi thu tiền của khách Hng mà không chuyển cho chủ đầu tư trong vòng 7 ngày là không phải hợp với thực tế.

[3] Xét mức độ lỗi của các bên khi tham gia thực hiện Dự án, Hội đồng xét xử thấy rằng :

[3.1] Đối với Công ty B: Tại thời điểm B ký kết hợp đồng 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 với Công ty N về việc đồng thỏa thuận đặt cọc và phân phối nền dự án H tại Khu Đ thị mới Điện N – Đ.N với 326 lô đất nền là nhằm mục đích huy động vốn thì hồ sơ pháp lý chưa đầy đủ, chưa có cơ sở hạ tầng, chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với NH nước. Do vậy, trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 01, Công ty B đã không thực hiện đúng theo nhưng đúng theo các điều khoản đã thỏa thuận với Công ty N, nhất là là thỏa thuận tại Điều 3.1 : “ Hoàn thành việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất và tài sản gắn liền trên đất ( Sổ đỏ ), tối đa trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này và BÊN B thanh toán tiền Lần 1 ”. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 9/10/2019 của Tòa án nhân dân quận H Châu và các bản ảnh kèm theo thì T bộ diện tích đất tại hiện trường thể hiện chưa có cơ sở hạ tầng như: Trên T bộ diện tích có đường nội bộ mới rải đá bi, chưa láng nhựa, bó vỉa hè chưa hoàn chỉnh; chưa có hệ thống điện nước, đường cống thoát nước. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện đến ngày 22/11/2017, hai bên lại tiếp tục ký phụ lục Hợp đồng số : 1A/2017 – SĐBS – pl thay đổi việc Công ty B phải có nghĩa vụ hoàn thành việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất và tài sản gắn liền trên đất ( Sổ đỏ ) lên thành 24 tháng. Tuy nhiên theo Kết luận thanh tra số 06/KL TTT ngày 12/7/2019 của Thanh tra tỉnh Q đã kết luận Dự án này hồ sơ pháp lý chưa đầy đủ, chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 99/2015/NĐ – CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NH ở năm 2014 và Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Đất đai năm 2013 dẫn đến việc Dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc chậm trễ này thuộc trách nhiệm của Công ty B.

[3.2] Đối với Công ty N cũng đã có Nền thiếu sót trong việc ký kết hợp đồng số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 với Công ty B đã không tìm hiểu, xem xét đến tính pháp lý và tiến độ thi công Dự án của chủ đầu tư, không có động thái kịp thời, cương

Q để thực hiện trách Nệm của bên môi giới mà chỉ lo chạy theo quảng bá, quảng cáo nhằm mục đích bán Hng để hưởng H H.

[ 3.3] Đối với các cơ quan chức năng tỉnh Q: Mặc dù, Công ty B chỉ mới được phải duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, chưa được UBND chính T phải duyệt quy hoạch và giao đất nhưng đã tiến Hành ký kết hợp đồng số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 với Công ty N và nhận Nền đợt tiền. Công ty N tổ chức rao bán các lô đất công khai trên sàn bất động sản, quảng bá rầm rộ các P tiện truyền thông trong thời gian dài nhưng các cơ quan chức năng tỉnh Q không có động thái nhắc nhở, không có hình T quản lý NH nước phải hợp trong việc kiểm soát việc thực hiện dự án.

[3.4] Đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là những người nhận chuyển nhượng đất: Vào thời điểm nhận chuyển nhượng thì các lô đất chưa hình thành trong dự án, vị T các lô đất cũng như diện tích từng lô chưa được cơ quan chức năng xác định nhưng người nhận chuyển nhượng không tìm hiểu thông T hoặc liên hệ với chủ đầu tư là Công ty B để xác định có hay không các lô đất mình nhận chuyển nhượng mà nhận chuyển nhượng qua môi giới là Công ty N và Nền trường hợp đã nộp lên đến 95% giá trị chuyển nhượng. Tuy nhiên, việc nhận chuyển nhượng này được các bên thừa nhận thể hiện qua việc Công ty B và Công ty N mở các Phải giao dịch rao bán trên sàn bất động sản. Việc thực hiện giao dịch giữa Công ty B và Công ty N các cơ quan chức năng và các bên liên quan đều phải biết. Do đó, tuy những người nhận chuyển nhượng các lô đất từ Dự án H là chưa hợp pháp nhưng diễn ra công khai, Ny tình và có Nền trường hợp thực hiện 95% nghĩa vụ trong giao dịch nên theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 cần phải được ghi nhận và bảo vệ. Mặt khác, sau khi Công ty B và Công ty N thống nhất thỏa thuận hướng giải Q vụ Q vụ việc trên vào ngày 23/5/2019 thì vào ngày 12/7/2019 Thanh tra tỉnh Q đã kiến nghị UBND tỉnh Q đồng ý cho Công ty B phải hợp với các Sở, Ban, Ngành tiếp tục hoàn thiện thủ tục hồ sơ pháp lý về đầu tư dự án, về đất đai, về quản lý dự án đầu tư xây dựng, về bảo vệ môi trường và nhanh chóng hoàn thiện cơ sở hạ tầng của dự án theo đúng quy định của pháp luật., đến ngày 16/9/2019 UBND tỉnh Q thống nhất cho Công ty B phải hợp với Sở Xây dựng để bổ sung hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo yêu cầu. Đến ngày 18/10/2019, UBND tỉnh Q có Công văn 6261/UBND –KTN đồng ý chấp nhận chủ trương dự án H tại Khu Đ thị mới Điện N – Đ.N và đề nghị Công ty B căn cứ nội D Công văn này để tiếp tục triển khai dự án theo đúng quy định và đến nay Công ty B đã được UBND tỉnh Q có V bản chấp nhận đầu tư Dự án. Do vậy, việc tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 01 giữa Công ty B và N sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người đã đặt mua đất nền và cần thiết phải quan T đến quyền lợi chính Đg của

những người đã mua đất từ Dự án H nên việc yêu cầu các bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 01 là thỏa Đg.

[4] Xét thấy: Việc ký kết và thực hiện hợp đồng môi giới đất nền giữa Công ty B và Công ty N là chưa đầy đủ, chưa phải là hợp quy định pháp luật nhưng trên thực tế cả hai đã cùng thực hiện một số nội D đã thỏa thuận và do trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty B và Công ty N đều có phần lỗi nhất định. Vì vậy, ngày 23/5/2019 hai công ty đã thống nhất thỏa thuận bổ sung những nội D sau: Công ty B tiến Hành xin tHành lập Hội đồng giá đất 3 Dự án trình UBND tỉnh Q phải duyệt và công bố công khai ; hoàn tHành việc nộp hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ cho 03 Dự án nêu trên trong thời gian sớm nhất; sau khi có giá thuê đất của 3 Dự án, Công ty B nộp thuế sử dụng đất 03 dự án đầy đủ; tính toán lại và thông báo với Công ty N đơn giá ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất của Dự án để yêu cầu Công ty N đơn giá ký chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; hai bên thống nhất hướng giải Q vụ việc sau khi NH nước có phải duyệt mức tiền sử dụng đất 3 Dự án nêu trên, hai bên sẽ tH T giải Q các nội D trong 3 Dự án này nhằm để đảm bảo quyền lợi của người dân đã nộp tiền để nhận chuyển nhượng đất và được cấp sổ đỏ. Sự thống nhất thỏa thuận trên thể hiện ý chí của hai bên trong việc thực hiện hợp đồng số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 mà sau khi Công ty B đã nhận số tiền 110.960.883.000 (tương đương với 91% giá trị theo hợp đồng và tương đương với 53% giá trị được điều chỉnh theo pháp luật hợp đồng số 1A). Như vậy, V bản thỏa thuận này là căn cứ được xem là pháp luật hợp đồng để trên cơ sở đó hai công ty tiến Hành thực hiện các nội D đã thỏa thuận trong Hợp đồng môi giới đất nền số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017. Do vậy, yêu cầu của Công ty B về việc chấm dứt Hợp đồng môi giới đất nền số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017; Yêu cầu thu hồi 326 lô đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại số 20.912.155.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận

[5] Tại Phần tòa đại diện Công ty N xác định trên cơ sở các nội D thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 23/5/2019 là thể hiện thiện chí trong việc tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/2017 –SĐBS ngày 24/7/2017 và Công ty N rút yêu cầu phần tố yêu cầu Công ty B phải bồi thường các khoản:

+ Số tiền phạt chậm tiến độ 60 ngày đầu tiên:  $60 \times 5.000.000$  đồng = 300.000.000 đồng.

+ Số tiền phạt chậm tiến độ từ ngày 61:  $30\% \times 110.960.883.000$  đồng = 33.288.264.900 đồng.

Tổng cộng là 33.588.264.900 đồng

Việc rút yêu cầu này là hoàn T tự nguyện nên HĐXX đình chỉ yêu cầu phần tố này.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị T yêu cầu tuyên bố giao dịch mua

bán theo Phảiiêu đăng ký mua sản phảiiảm số A114-NN/PĐKMSP-KĐTHR/2018 ký ngày 12/4/2018 giữa bà Hồ Thị T và Công ty Cổ phảiiần Đầu tư N vô hiệu do vi phảiiảm điều cấm phảiiáp luật. Buộc Công ty Cổ phảiiần Đầu tư N hoàn trả số tiền 960.075.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty N có trách thanh toán là 2.460.075.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Hồ Thị T là có căn cứ. Tuy nhiên, hiện nay lô đất của bà T đã đặt mua chưa xác định được vị T, diện tích cụ thể và trong quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã có Công văn đề nghị các Cơ quan có chức năng định giá giá trị lô đất nhưng không thể thực hiện được. Tại Phảiiên tòa, người Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp phảiiáp của bà Hồ Thị T và đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H Châu đề nghị HĐXX tách yêu cầu độc lập này độc lập này để giải Q bằng một vụ án khác nhằm để đảm bảo quyền lợi cho Bà T, HĐXX xét thấy là có căn cứ nên chấp nhận. Do yêu cầu độc lập chưa được xem xét nên hoàn trả lại số tiền 41.750.935đ tiền tạm ứng án phảii theo biên lai thu số 0007042 ngày 02/5/2019 cho bà Hồ Thị T.

[7 ] Từ những phảiiần tích trên, không chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H Châu.

[8] Về án phảii DSST: Do bị bác yêu cầu nên Công ty B phải chịu số tiền án phảii là: 128.912.154đ, được trừ vào 59.334.700đ tạm ứng án phảii đã nộp. Công ty B phải nộp tiếp số tiền án phảii: 64.456.077đ.

Hoàn trả cho Công ty N số tiền 70.794.132đ tạm ứng án phảii phảiiản tố; hoàn trả cho bà Hồ Thị T 41.750.935đ tạm ứng án phảii độc lập.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217; Điều 218 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385 và Điều 403 Bộ luật dân sự; Nghị Q số: 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phảii và lệ phảii.

**1/** Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phảiiần B về việc chấm dứt “*Hợp đồng môi giới đất nền*” số 01/2017 – SĐBS ngày 24/7/2017: giữa Công ty Cổ phảiiần B và Công ty Cổ phảiiần Đầu tư N.

**2/** Đình chỉ yêu cầu phảiiản tố của Công ty Cổ phảiiần Đầu tư N về việc phảiiạt Công ty Cổ phảiiần B số tiền do chậm thực hiện “*Hợp đồng môi giới đất nền*” 01/2017 – SĐBS ngày 24/7/2017.

**3/** Buộc Công ty Cổ phảiiần B phải tiếp tục thực hiện “*Hợp đồng môi giới đất nền*” số: 01/2017 - SĐBS ngày 24/7/2017 và “*Biên bản thỏa thuận*” ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty Cổ phảiiần B và Công ty Cổ phảiiần Đầu tư N.

4/ Công ty Cổ phần B có trách Nhiệm liên hệ với UBND tỉnh Q, Sở Xây dựng tỉnh Q, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và UBND thị xã Đ, tỉnh Q thực hiện việc giao nhận đất, lập các thủ tục đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

5/ UBND tỉnh Q, Sở Xây dựng tỉnh Q, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và UBND thị xã Đ, tỉnh Q có trách Nhiệm ban Hành các V bản liên quan đến Dự án Khu Đ thị H khu Đ thị Đ.N, phường Đ.N thị xã Đ, tỉnh Q, do Công ty Cổ phần B chủ đầu tư.

6/ Sau khi UBND tỉnh Q, Sở Xây dựng tỉnh Q, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q và UBND thị xã Đ ban Hành các V bản liên quan đến Dự án Khu Đ thị H, khu Đ thị Đ.N, phường Đ.N thị xã Đ, tỉnh Q, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, được xác định họ và tên, địa chỉ theo số lô đất nhận chuyển nhượng tại các Block: A1; A2; A3; A4; A5; A6; A7; A8; A9, B1 được quyền liên hệ với UBND tỉnh Q, Sở Xây dựng tỉnh Q, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Q, UBND thị xã Đ, tỉnh Q, Công ty B, Công ty N và các cơ quan liên quan để làm thủ tục nhận đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất đã nhận chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

7/ Án phí DSST:

7.1. Công ty Cổ phần B phải chịu số tiền: 128.912.154đ, được trừ vào 64.456.077đ tạm ứng án phải đã nộp (biên lai số: 0006659, ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đ). Công ty B phải nộp tiếp số tiền án phải: 64.456.077đ.

7.2 Hoàn cho Công ty Cổ phần Đầu tư N: 70.794.132 đ tạm ứng án phải phải tố (biên lai số: 0006982 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đ).

7.3 Hoàn trả lại bà Hồ Thị T số tiền 41.750.935 đ tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0007042 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đ).

Nguyên đơn, bị đơn, những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/5/2020. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận H Châu;
- CCTHADS quận H Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa**

**Đặng N Kinh Luân**